

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2017**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 09 năm 2017

3. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh xác định rõ sứ mạng và mục tiêu là yêu cầu quan trọng, cần thiết; là vấn đề chiến lược phát triển để xây dựng Trường thành trường cao đẳng tiên tiến của TP.HCM. Định hướng rõ sứ mạng, mục tiêu chính là định hướng con đường đi đúng đắn phù hợp với sự phát triển của đất nước, với yêu cầu, xu thế hội nhập của xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sứ mạng và mục tiêu đã được xác định ngay từ khi thành lập trường thông qua tôn chỉ và mục đích hoạt động của trường. Đến năm 2016, Trường đã xây dựng lại nội dung sứ mạng và mục tiêu để công bố rộng rãi, công khai trên nhiều phương tiện truyền thông cho toàn xã hội biết và cũng là khẳng định ý nguyện cho sự tồn tại, phát triển dài lâu, tạo lập vị thế của trường trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công tác tổ chức và quản lý được xác định là nhiệm vụ then chốt trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường. Trường đã thực hiện công tác tổ chức và quản lý phù hợp với quy định của nhà nước, với các nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất. Bằng các kế hoạch và các biện pháp, Trường đã thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục đúng theo quy định của Điều lệ nhằm đảm bảo sự phối hợp giữa các đơn vị và cá nhân. Chức năng, nhiệm vụ của trường, các đơn vị, CB-GV-NV đều được thể chế hóa bằng quy chế tổ chức và hoạt động và được triển khai thực hiện nghiêm túc. Việc xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển trường qua các giai đoạn đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của ngành GD&ĐT, với tình hình KT-XH của TP.HCM. Đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể đã phối hợp hoạt động có hiệu quả để xây dựng được một tập thể đoàn kết nhất trí thúc đẩy trường phát triển ngày càng vững mạnh. Công tác đảm bảo chất lượng đã được triển khai thực hiện ngày càng hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động, nhất là chất lượng đào tạo.

Những điểm khái quát trên sẽ được minh chứng rõ hơn thông qua việc phân tích, đánh giá và qua những chứng cứ xác thực ở các tiêu chuẩn sau đây:

Tiêu chuẩn 3. Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

1. Mô tả

Ngay từ khi thành lập, Trường đã xây dựng cơ cấu tổ chức đúng theo quy định của Điều lệ và Luật Giáo dục. Bộ máy tổ chức của trường được xây dựng theo mô hình “trực

tuyển - chức năng” và được phân thành 3 cấp: Trường (Ban Giám hiệu), Phòng/Khoa và Tổ bộ môn. Cấp trường điều hành và quản lý toàn bộ các hoạt động của trường. Cấp khoa, phòng làm nhiệm vụ tổ chức, triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ. Tổ bộ môn phụ trách các công việc chuyên môn và thực hiện các mảng công việc cụ thể được phân công. Trong quá trình xây dựng và phát triển, cơ cấu tổ chức đã được điều chỉnh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ đào tạo; được cụ thể hoá trong Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.2.1.1]. Trong đó, việc phân cấp quản lý, trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của từng đơn vị, người đứng đầu các đơn vị và CB-GVNV trong trường đã được quy định cụ thể. Hiện nay Ban Giám hiệu có 1 Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng được phân công, phân nhiệm rõ ràng bằng văn bản [H2.2.1.2]. Trường có 8 phòng chức năng: TC-HC-TH, TS-ĐT-GTVL, KT&ĐBCL, TB-VT, KH-TC, QLKH-HTQT, TTGDCTSV, QT-DV; 9 khoa: Khoa học cơ bản, Lý luận chính trị, CN Cơ khí, CN thông tin, CN Điện - Điện tử, CN Động lực, CN May - Thời trang, CN Nhiệt – Lạnh, Kinh tế; 6 đơn vị trực thuộc trường: Trường Trung học Phổ thông Lý Tự Trọng, Trung tâm TT-TV, Trung tâm NCUD&CGCN, Trung tâm Y tế, Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng, Trung tâm Tiếng Đức và 34 Tổ trực thuộc phòng, khoa. Mối quan hệ giữa Ban Giám hiệu với các khoa, phòng, tổ trực thuộc được tổ chức theo quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động. Trường có các tổ chức đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên; và các hội đồng tư vấn: Hội đồng KH&ĐT; Hội đồng Thi đua Khen thưởng; Hội đồng Kỷ luật; Hội đồng tuyển sinh theo từng năm... Bộ máy tổ chức của trường được giới thiệu công khai, rõ ràng trên website của trường nhằm tạo điều kiện cho HSSV, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu, liên hệ công tác [H2.2.1.3]. Để tăng tính hiệu quả trong hoạt động chỉ đạo, điều hành và tiết kiệm chi phí, từ cuối năm 2014 Trường đã sử dụng website quản lý hành chính điện tử (<http://egov.lytc.edu.vn/>). Thông qua website, các thông báo và văn bản điều hành được phổ biến, chuyển đến các bộ phận và cá nhân bằng tập tin điện tử, nhờ đó mà các thành viên của đơn vị đều biết, hiểu và thực hiện hoàn thành các công việc nhanh chóng.

2. Điểm mạnh

Mô hình tổ chức kiểu “trực tuyển - chức năng” với ba cấp quản lý, phù hợp với đặc điểm hoạt động của trường, từ đó tập trung mọi nỗ lực của đơn vị vào hoạt động chuyên môn là đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trường đã xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của trường đúng theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng. Quy chế tổ chức và hoạt động

đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị nên sự phối hợp giữa các đơn vị tương đối đồng bộ, hiệu quả; đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển. Cơ cấu tổ chức gọn nhẹ nên công việc được giải quyết nhanh chóng, kịp thời đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại

Hiện nay chưa đủ cơ sở pháp lý để thành lập Hội đồng trường, do đó chưa đảm bảo theo điều 32 của Điều lệ theo thông tư 14/2009/TT-BGDĐT cũng như Điều 9 của Điều lệ theo Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT. Quy chế phối hợp trong công tác giữa các đơn vị trong trường ở một số nơi còn chưa được thực hiện nghiêm túc. Việc điều chỉnh công bố cơ cấu tổ chức trên website của trường chậm so với các thay đổi

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức và quy chế về tổ chức và hoạt động của trường, tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy. Năm 2017 xúc tiến thành lập Hội đồng trường. Năm 2017 triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Điều chỉnh kịp thời cơ cấu tổ chức trên website sau khi có quyết định.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chuẩn 5. Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Ngay từ khi thành lập, Trường đã xây dựng cơ cấu tổ chức đúng theo quy định của Điều lệ và Luật Giáo dục. Bộ máy tổ chức của trường được xây dựng theo mô hình “trực tuyến - chức năng” và được phân thành 3 cấp: Trường (Ban Giám hiệu), Phòng/Khoa và Tổ bộ môn. Cấp trường điều hành và quản lý toàn bộ các hoạt động của trường. Cấp khoa, phòng làm nhiệm vụ tổ chức, triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ. Tổ bộ môn phụ trách các công việc chuyên môn và thực hiện các mảng công việc cụ thể được phân công. Trong quá trình xây dựng và phát triển, cơ cấu tổ chức đã được điều chỉnh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ đào tạo; được cụ thể hoá trong Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.2.1.1]. Trong đó, việc phân cấp quản lý, trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của từng đơn vị, người đứng đầu các đơn vị và CB-GVNV trong trường đã được quy định cụ thể. Hiện nay Ban Giám hiệu có 1 Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng được phân công, phân nhiệm rõ ràng bằng văn bản [H2.2.1.2]. Trường có 8 phòng chức

năng: TC-HC-TH, TS-ĐT-GTVL, KT&ĐBCL, TB-VT, KH-TC, QLKH-HTQT, TTGDCTSV, QT-DV; 9 khoa: Khoa học cơ bản, Lý luận chính trị, CN Cơ khí, CN thông tin, CN Điện - Điện tử, CN Động lực, CN May - Thời trang, CN Nhiệt – Lạnh, Kinh tế; 6 đơn vị trực thuộc trường: Trường Trung học Phổ thông Lý Tự Trọng, Trung tâm TT-TV, Trung tâm NCUD&CGCN, Trung tâm Y tế, Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng, Trung tâm Tiếng Đức và 34 Tổ trực thuộc phòng, khoa. Mối quan hệ giữa Ban Giám hiệu với các khoa, phòng, tổ trực thuộc được tổ chức theo quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động. Trường có các tổ chức đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên; và các hội đồng tư vấn: Hội đồng KH&ĐT; Hội đồng Thi đua Khen thưởng; Hội đồng Kỷ luật; Hội đồng tuyển sinh theo từng năm... Bộ máy tổ chức của trường được giới thiệu công khai, rõ ràng trên website của trường nhằm tạo điều kiện cho HSSV, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu, liên hệ công tác [H2.2.1.3]. Để tăng tính hiệu quả trong hoạt động chỉ đạo, điều hành và tiết kiệm chi phí, từ cuối năm 2014 Trường đã sử dụng website quản lý hành chính điện tử (<http://egov.lytc.edu.vn/>). Thông qua website, các thông báo và văn bản điều hành được phổ biến, chuyển đến các bộ phận và cá nhân bằng tập tin điện tử, nhờ đó mà các thành viên của đơn vị đều biết, hiểu và thực hiện hoàn thành các công việc nhanh chóng.

1. Điểm mạnh

Mô hình tổ chức kiểu “trực tuyến - chức năng” với ba cấp quản lý, phù hợp với đặc điểm hoạt động của trường, từ đó tập trung mọi nỗ lực của đơn vị vào hoạt động chuyên môn là đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trường đã xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của trường đúng theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng. Quy chế tổ chức và hoạt động đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị nên sự phối hợp giữa các đơn vị tương đối đồng bộ, hiệu quả; đáp ứng nhu cầu hội nhập và phát triển. Cơ cấu tổ chức gọn nhẹ nên công việc được giải quyết nhanh chóng, kịp thời đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ được giao.

2. Tồn tại

Hiện nay chưa đủ cơ sở pháp lý để thành lập Hội đồng trường, do đó chưa đảm bảo theo điều 32 của Điều lệ theo thông tư 14/2009/TT-BGDĐT cũng như Điều 9 của Điều lệ theo Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT. Quy chế phối hợp trong công tác giữa các đơn vị trong trường ở một số nơi còn chưa được thực hiện nghiêm túc. Việc điều chỉnh công bố cơ cấu tổ chức trên website của trường chậm so với các thay đổi

3. Kế hoạch hành động

Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức và quy chế về tổ chức và hoạt động của trường, tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy. Năm 2017 xúc tiến thành lập Hội đồng trường. Năm 2017 triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Điều chỉnh kịp thời cơ cấu tổ chức trên website sau khi có quyết định.

4. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chuẩn 6. Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

1. Mô tả

Trong từng giai đoạn, căn cứ vào yêu cầu của trường về quy mô và đặc điểm của các ngành nghề đào tạo, các phòng chức năng, các khoa, các tổ bộ môn trực thuộc khoa đã được tổ chức phù hợp và được thành lập theo các quyết định thành lập đơn vị do Hiệu trưởng ký ban hành [H2.2.4.1] đúng theo quy định trong Điều lệ trường cao đẳng và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Hiện nay, Trường có 08 phòng chức năng, 09 khoa, 06 đơn vị trực thuộc trường, 25 tổ bộ môn trực thuộc khoa và 09 tổ trực thuộc phòng. Nhiệm vụ của các phòng, khoa, đơn vị trực thuộc trường và các tổ bộ môn đã được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [H2.2.4.2] và quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và hội đồng trực thuộc trường [H2.2.4.3]. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp, đề xuất ý kiến, giúp Hiệu trưởng tổ chức quản lý và thực hiện từng mặt công tác của trường theo chức năng, quản lý nhân viên theo phân cấp của Hiệu trưởng. Các khoa và các bộ môn trực thuộc khoa có nhiệm vụ trực tiếp tổ chức thực hiện quá trình đào tạo, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo như chương trình đào tạo, quản lý CB-GV-NV, HSSV theo phân cấp của Hiệu trưởng đúng theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng [H2.2.4.4]. Với quy mô và điều kiện cơ sở vật chất của trường, việc sắp xếp tổ chức các phòng, khoa, tổ bộ môn của trường hiện nay là phù hợp, phát huy được vai trò của từng đơn vị cũng như mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ cho mục tiêu chung. Mỗi phòng, khoa, trung tâm đều có các trưởng, phó đơn vị và việc bổ nhiệm được thực hiện đúng theo thủ tục quy trình bổ nhiệm: đơn vị cơ sở và chi bộ đảng giới thiệu người ứng cử cho các vị trí công tác căn cứ trên năng lực của cá nhân, đơn vị tổ chức họp bỏ phiếu tín nhiệm, căn cứ trên

phiếu tín nhiệm và lấy ý kiến tham vấn của BCH Đảng bộ (đối với trưởng, phó đơn vị) hoặc Chi ủy phụ trách đơn vị (đối với Trưởng bộ môn). Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm các vị trí công tác cho từng cá nhân [H2.2.4.5]. Tùy theo khối lượng và tính chất công việc của mỗi phòng, khoa, bộ môn mà Trường bố trí số lượng CBQL-GV-NV cho phù hợp với yêu cầu hoạt động. Hiện nay, vào ngày thứ năm của tuần đầu tiên hàng tháng Trường tổ chức họp giao ban Ban Giám hiệu với toàn bộ trưởng, phó các đơn vị và các trưởng tổ bộ môn thuộc khoa để kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch công tác tháng trước và xây dựng kế hoạch công tác tháng sau. Sau cuộc họp, kế hoạch công tác được gửi tới toàn thể CB-GV-NV thông qua website quản lý hành chính điện tử. Đến tuần cuối hàng tháng, từng đơn vị tổ chức họp để kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch trong tháng của đơn vị và các cá nhân, bình xét thi đua tháng theo quy chế thi đua và xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể của đơn vị trong tháng kế tiếp.

2. Điểm mạnh

Các phòng chức năng, các khoa, đơn vị trực thuộc khoa của trường được tổ chức và thành lập đúng theo Điều lệ. Nhiệm vụ của các đơn vị được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động, phù hợp với yêu cầu của trường giúp cho việc phân công và điều hành công tác được đồng bộ, chặt chẽ và khoa học, phát huy tốt công tác quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Công tác thành lập, giải thể, sát nhập các đơn vị trực thuộc được tiến hành đúng theo quy định. Trường đã thực hiện tốt quy trình bổ nhiệm CBQL.

3. Tồn tại

Giai đoạn 2015-2016 số lượng đơn vị trực thuộc khoa (tổ bộ môn, phụ trách xưởng, phòng chuyên môn, ...) quá nhiều đã dẫn đến hiện tượng có quá nhiều CBQL trong khoa nhưng thiếu người thực hiện công việc. Sự phối hợp công tác giữa các đơn vị đôi lúc chưa được nhịp nhàng.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017 rà soát và điều chỉnh để hoàn thiện văn bản Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và hội đồng trực thuộc. Năm 2017, triển khai thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO theo hướng tinh gọn bộ máy quản lý. Thành lập những khoa, bộ môn mới đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 7 Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

a) Mô tả

Ngay năm 2008, Trường đã thành lập Trung tâm Đảm bảo chất lượng [H1.07.1.01]. Đến năm 2009 Trường thành lập Trung tâm KĐCL&QL-CTCTĐT để thực hiện công tác đảm bảo chất lượng [H1.07.1.02]. Đến năm 2013 Trường thành lập Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục [H1.07.1.03] và năm 2014 đổi tên thành Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, có chức năng và nhiệm vụ cụ thể [H1.07.1.04]. Chức năng, nhiệm vụ của phòng cũng được Trường điều chỉnh và đưa vào quy chế tổ chức và hoạt động [H1.07.1.05] và quy định Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và hội đồng trực thuộc [H1.07.1.06]. Đội ngũ cán bộ của phòng gồm 07 người, trong đó có 02 cao học và 05 đại học, cùng nhau thực hiện cả hai công tác chung của phòng là khảo thí và đảm bảo chất lượng. Tất cả đều có kỹ năng khá tốt trong việc sử dụng máy tính, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc [H1.07.2.01]. Phòng có nhân sự chuyên môn về đo lường và đánh giá trong giáo dục. Trong các năm qua, Trường đã cử 1 cán bộ tham gia các khoá tập huấn về công tác tự đánh giá do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT tổ chức [H1.07.2.02]. Ngoài ra, Trường đã cử 2 cán bộ và 1 GV tham gia chương trình tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng do Đại học SPKT TP.HCM tổ chức [H1.07.2.03]. Sau các khoá tập huấn, các thành viên tham gia tập huấn đã tổ chức phổ biến các kiến thức và tài liệu thu thập được cho các thành viên còn lại theo kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị. Trường đã có biện pháp chặt chẽ trong việc lưu trữ, thu thập thông tin minh chứng phục vụ cho công tác tự đánh giá, đảm bảo chất lượng. Trong thời gian qua, Trường đã hoàn thành tự đánh giá chất lượng giáo dục chu kỳ 1 (giai đoạn 2006-2010) [H1.07.2.04] và hiện nay đang thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục chu kỳ 2 (giai đoạn 2011-2015) [H1.07.2.05]. Đã triển khai một số loại hình khảo sát theo yêu cầu của công tác đảm bảo chất lượng như: khảo sát tình hình dạy học trên lớp, khảo sát chất lượng đào tạo của trường từ phía cơ sở tuyển dụng và cựu sinh viên, khảo sát việc phục vụ bạn đọc của thư viện, đưa

ra điểm chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra cho sinh viên... Các hoạt động đảm bảo và đánh giá chất lượng đều được tổng kết và báo cáo hằng năm cho Bộ và Sở [H1.07.2.06]. Để nâng cao chất lượng đào tạo, từ năm học 2014-2015 Trường đã triển khai lấy ý kiến SV phản hồi về công tác giảng dạy của từng giảng viên và các đơn vị phục vụ giảng dạy sau mỗi học kỳ [H1.07.2.07]. Đã xây dựng và chuyển cho các đơn vị thực hiện 10 phiếu khảo sát [H1.07.2.08]. Các năm trước Trường chưa tách riêng kế hoạch đảm bảo chất lượng với kế hoạch năm học. Đến năm 2015, Phòng tham mưu lãnh đạo trường phê duyệt kế hoạch đảm bảo chất lượng [H1.07.2.09] để toàn trường thực hiện từ năm 2015 và các năm tiếp theo.

b) Đánh giá

Đơn vị tự đánh giá: hoàn thành chức năng, nhiệm vụ, hoạt động có liên quan tới tiêu chuẩn

- Điểm mạnh:

Có 1 cán bộ của phòng đã được tập huấn về công tác tự đánh giá do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức. Đã có kinh nghiệm khi thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục trường cao đẳng chu kỳ 1, đội ngũ cán bộ nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, có kinh nghiệm trong công tác và tâm huyết với công tác giáo dục đào tạo để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động.

- Những tồn tại:

Nhân sự làm công tác đảm bảo chất lượng còn mỏng. Toàn bộ nhân sự vừa thực hiện công tác khảo thí vừa thực hiện công tác đảm bảo chất lượng. Hệ thống quản lý thông tin chưa hoàn chỉnh và thường xuyên cập nhật về mọi hoạt động của trường. Việc lưu trữ và chia sẻ thông tin giữa các đơn vị còn nhiều bất cập và hạn chế, vì vậy việc tìm kiếm và thu thập minh chứng gặp nhiều khó khăn. Độ tin cậy các thông tin thu thập được qua điều tra khảo sát chưa cao do số lượng mẫu khảo sát ít so với quy mô. Ý thức về vấn đề đảm bảo chất lượng chưa được thể hiện rõ ràng và đầy đủ. Văn hoá chất lượng chưa thật sự thâm nhập vào mọi mặt hoạt động của đơn vị. Chưa thiết lập được nền văn hoá chất lượng trong toàn trường. Chưa thành lập được các ban chuyên trách theo dõi, đánh giá chất lượng

hàng năm về các mặt hoạt động của cấp đơn vị cơ sở trong trường. Chưa thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

c. Kế hoạch:

Tăng cường đội ngũ và cơ sở vật chất cho phòng để thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng toàn trường. Năm 2018, tuyển dụng 01 cán bộ chuyên môn về đo lường đánh giá; cử 02 cán bộ tham gia khóa đào tạo Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục. Năm 2018 thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng nội bộ và tiến hành thực hiện quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng ISO. Tập huấn chuyên môn cho mạng lưới cộng tác viên đảm bảo chất lượng ở các đơn vị và phân công đảm nhận một số công việc cụ thể, đặc biệt là các công việc có tính định kỳ như điều tra hoạt động giảng dạy, kết quả rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của HSSV. Xây dựng các công cụ để thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về các mặt hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo. Xây dựng lộ trình, chuẩn bị các điều kiện để tổ chức thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo chuyên ngành mới như Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ, kế toán doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp. Thiết lập hệ thống thông tin quản lý để lưu trữ và xử lý các thông tin thu thập được về các mặt hoạt động của đơn vị.

Tiêu chuẩn 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

1. Mô tả

Đảng bộ trường (trực thuộc Đảng bộ Sở GD&ĐT) đã khẳng định được vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của chính quyền và các đoàn thể thông qua các nghị quyết và các quyết định thống nhất giữa Đảng ủy và Ban Giám hiệu. Vì vậy trong thời gian qua, các tổ chức đoàn thể và chính quyền các cấp có sự phối hợp nhịp nhàng, hoạt động tương đối hiệu quả, có tác dụng tích cực góp phần thúc đẩy toàn diện các hoạt động trong trường. Ban chấp hành Đảng bộ có 07 nhân sự đều là cán bộ kiêm nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực lãnh đạo và uy tín với quần chúng, đều giữ chức vụ cao trong Ban Giám hiệu và ở các đơn vị phòng, khoa, đoàn thể, có sự phân công trách nhiệm cho từng người trong ban chấp hành. Tổ chức đảng trong trường duy trì tốt việc sinh hoạt định kỳ, đúng quy định và không ngừng được củng cố và phát triển. Đảng bộ trường rất

quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đảng viên và làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng nên đảng bộ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng đảng viên. Đảng bộ đã thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, qua đó đã xây dựng được đội ngũ cán bộ đảm bảo số lượng, chất lượng và đồng bộ về cơ cấu. Các chi bộ đảng được củng cố và đổi mới hoạt động, là hạt nhân cho mọi hoạt động của trường, là trung tâm đoàn kết của mọi tổ chức quần chúng tạo điều kiện phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tổ chức giáo dục, vì vậy đảng bộ liên tục đạt đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Đặc biệt năm 2010 Đảng bộ đạt danh hiệu đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu và 03 đảng viên đạt danh hiệu đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công tác bồi dưỡng, phát triển đảng đã được đảng bộ rất quan tâm. Đảng bộ đã chỉ đạo công đoàn và đoàn thanh niên trong việc bồi dưỡng và giới thiệu quần chúng tích cực cho đảng để chi bộ và BCH Đảng bộ công nhận là cảm tình đảng. Phân công đảng viên giúp đỡ quần chúng diện cảm tình đảng, hàng tháng đều kiểm điểm ở chi bộ. Triển khai cho quần chúng được công nhận là cảm tình đảng viết lý lịch, cử đảng viên xác minh lý lịch ở địa phương. Trong 5 năm qua, đảng bộ đã kết nạp được 18 đảng viên là CB-GV-NV; đã chuyển sinh hoạt đảng cho 21 đảng viên chuyển công tác, về hưu. Hiện tại toàn đảng bộ có 61 đảng viên bố trí sinh hoạt tại 5 chi bộ. Ngoài ra đảng bộ có 32 quần chúng diện cảm tình đảng hiện đã tham dự lớp nhận thức về đảng do Trung tâm bồi dưỡng chính trị các quận, huyện tổ chức. Hằng năm vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng, Đảng bộ tổ chức cho đảng viên về nguồn tham quan di tích cách mạng để hiểu thêm về quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc, và nâng cao ý thức về nhiệm vụ chính trị của từng đảng viên trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

2. Điểm mạnh

Bảo đảm nguyên tắc sinh hoạt Đảng. Đề cao tính dân chủ, công khai. Bảo đảm tính tiên phong, gương mẫu của Đảng viên và cán bộ chủ chốt. Đảng bộ luôn phát huy được vai trò lãnh đạo và hoạt động theo những quy định của hiến pháp, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Đảng bộ đã thể hiện là hạt nhân chính trị, lực lượng nòng cốt, nhiều năm đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, lãnh đạo trường liên tục đạt danh hiệu trường tiên tiến. Đảng bộ luôn thực hiện tốt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo tốt việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đời sống vật chất và tinh thần của CB-VC và HSSV được đảm bảo và nâng cao.

3. Tồn tại

Các cấp ủy chi bộ và Đảng ủy chưa có lịch tiếp CB-GV-NV. Vai trò lãnh đạo của một số chi bộ trực thuộc đối với các tổ chức đoàn thể cùng cấp còn nhiều lúng túng và chưa kịp thời. Chi ủy có thay đổi nhân sự theo từng nhiệm kỳ nên kinh nghiệm và nghiệp vụ công tác Đảng còn yếu.

Công tác bồi dưỡng, bổ sung quy hoạch cán bộ kế cận chưa được quan tâm đúng mức. Số lượng đảng viên trên tổng số CB-VC còn quá ít, đạt tỷ lệ không cao (khoảng 15%). Việc phát triển đảng đối tượng HSSV quá ít. Việc nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ còn chậm so với yêu cầu của ngành.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016 tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ Lý luận chính trị cho đội ngũ CBQL đảm bảo theo quy định của ngành. Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng cho cấp ủy chi bộ, Đảng bộ. Từ năm 2016 trở đi, Đảng ủy và các cấp ủy chi bộ xây dựng và công bố lịch tiếp CB-GV-NV. Xây dựng tập thể Đảng bộ trong sạch vững mạnh; lãnh đạo xây dựng Trường CĐKT Lý Tự Trọng trở thành trường trọng điểm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và là trường tiến tiến trong khu vực Đông Nam Á. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng bảo đảm đúng tiêu chuẩn, gia tăng số lượng, coi trọng chất lượng. Trong nhiệm kỳ 2015 – 2020 kết nạp mới 25 – 30 đảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 10. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

1. Mô tả

Hiện nay Trường có các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên. Các tổ chức này đã nhận được quyết định công nhận Ban chấp hành của Công đoàn ngành giáo dục thành phố [H2.2.8.1], Thành đoàn [H2.2.8.2], Hội Sinh viên Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh [H2.2.8.3] sau các kỳ đại hội và hoạt động theo điều lệ của tổ chức, có quy chế hoạt động cụ thể [H2.2.8.4] và theo quy định của pháp luật. Nguyên tắc hoạt động của các đoàn thể là tập trung dân chủ, phối hợp giáo dục và động viên công đoàn viên, đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị dựa trên quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường được xây dựng hằng năm [H2.2.8.5]. Mỗi một đoàn thể

đều đã xây dựng chương trình công tác, nghị quyết theo từng năm học [H2.2.8.6], hàng tháng đều tổ chức hội nghị Ban chấp hành để triển khai cụ thể hoá nghị quyết, chương trình theo từng giai đoạn nhỏ [H2.2.8.7], cuối mỗi năm học đều thực hiện tổng kết công tác hoạt động [H2.2.8.8] và bình xét thi đua khen thưởng để động viên phong trào [H2.2.8.9]. Công đoàn là tổ chức quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đã kết nạp được ... công đoàn viên (...%), sinh hoạt trong 8 công đoàn bộ phận và 9 tổ công đoàn [H2.2.8.10]. Các công đoàn viên đã đi đầu trong việc thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục thông qua các phong trào “Dân chủ – Kỷ cương – Tình thương – Trách nhiệm”, “Dạy tốt, học tốt”, “Xây dựng gia đình nhà giáo văn hoá”, “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”, đặc biệt là cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương về đạo đức và tự học” do Công đoàn giáo dục Việt Nam phát động. Trong những năm qua, Công đoàn trường luôn hoàn thành tốt chức năng của một tổ chức chính trị xã hội, phát huy được sức mạnh của toàn thể cán bộ viên chức và người lao động, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ năm học của nhà trường với vai trò là người đại diện đảm bảo quyền lợi chính đáng và hợp pháp, đồng thời chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Công đoàn có quy chế phối hợp hoạt động cụ thể với Nhà trường. Tổ chức Công đoàn đã tham gia tích cực và có trách nhiệm trong hầu hết hoạt động của nhà trường như: tham gia Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng thi đua, Hội đồng xét nâng bậc lương; đóng góp các ý kiến về Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tổ chức và hoạt động; Quy chế thực hiện dân chủ; chỉ đạo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, bồi dưỡng và giới thiệu nhiều công đoàn viên ưu tú cho Đảng, ... đảm bảo tính công khai, dân chủ trong mọi hoạt động [H2.2.8.11]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên là đoàn thể tham mưu cho Đảng ủy và Ban Giám hiệu về các hoạt động phong trào của đoàn viên và thanh niên HSSV, một lực lượng chiếm đa số, vừa là chủ thể, vừa là đối tượng trong việc thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục. Đoàn trường và Hội sinh viên liên tục tổ chức các hoạt động lôi cuốn đoàn viên, thanh niên vào các hoạt động lành mạnh và nhiều ý nghĩa như các phong trào “Mùa hè xanh”, “Tiếp sức mùa thi”, “Ngày hội hiến máu tình nguyện”, “Ngày hội tái chế chất thải”, “Chiến dịch xuân tình nguyện”, “Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam”, “Tuổi trẻ vì biển, đảo quê hương”, tháng thi đua thực hiện nội quy nhà trường, năm “An toàn giao thông”, năm “văn minh đô thị”, các hoạt động tìm hiểu truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, tìm hiểu về liệt sĩ Lý Tự Trọng, các hoạt động dã ngoại và du lịch “Về nguồn”, tổ chức cho học sinh của trường tham

quan nhà truyền thống cách mạng, tham quan các công ty, xí nghiệp, các khu chế xuất, khu công nghệ cao ... Nhiều hoạt động văn nghệ, thể thao, hội thi phù hợp với tuổi trẻ, được Đoàn trường và Hội sinh viên tổ chức đã thu hút đông đảo Đoàn viên, thanh niên tham gia [H2.2.8.12]. Các hoạt động của các đoàn thể đã góp phần tạo ra một đội ngũ HSSV phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tốt nguyên lý giáo dục là học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Từ các kết quả đạt được, trong các năm qua công đoàn đã được công nhận là Công đoàn vững mạnh xuất sắc [H2.2.8.13], Đoàn thanh niên được khen thưởng danh hiệu tiên tiến và xuất sắc [H2.2.8.14], Hội sinh viên được khen thưởng danh hiệu tiên tiến và xuất sắc [H2.2.8.15] cấp thành phố, trung ương.

2. Điểm mạnh

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường được tổ chức chặt chẽ và tích cực hoạt động, tuân thủ tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tạo sự ổn định trong trường. Đã triển khai nhiều hoạt động phong phú, đa dạng nên thu hút đông đảo CB-VC và HSSV tham gia, tạo ra không khí đoàn kết nhất trí, có tác dụng tích cực đến việc nâng cao nhận thức và giáo dục toàn diện cho CB-VC và HSSV, góp phần thực hiện thành công các hoạt động của nhà trường, thực hiện tốt mục tiêu, nguyên lý giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đã hoạt động theo quy định của pháp luật. Các hoạt động đoàn thể đạt nhiều thành tích và được cấp trên đánh giá cao. Các thành viên BCH Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Hội Sinh viên đều là những cán bộ có năng lực và có uy tín được quần chúng tin nhiệm và bầu chọn qua các kỳ đại hội. Tổ chức Đoàn– Hội luôn được Đảng ủy, Ban giám hiệu tạo điều kiện, chăm lo về tinh thần và cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động phong trào thi đua sôi nổi trong học tập, rèn luyện nhằm bồi dưỡng và vun đắp niềm tự hào về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; khẳng định vị trí, vai trò của tuổi trẻ đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước, của TP.HCM và của nhà trường.

3. Tồn tại

Các hoạt động của đoàn thể trường đôi lúc còn thể hiện tính phong trào, một vài hoạt động chưa đạt được chiều sâu như mong muốn. Hoạt động của một số ít tổ công đoàn

và chi đoàn, chi hội HSSV ở một số lớp chưa thực sự mạnh do các tổ trưởng công đoàn bị công tác chuyên môn chi phối, BCH chi đoàn, chi hội đa số còn chưa có kinh nghiệm trong công tác tổ chức phong trào. Nội dung sinh hoạt ở một số công đoàn bộ phận, chi đoàn và chi hội còn nghèo nàn, nặng về hình thức.

4. Kế hoạch hành động

Thường xuyên tập huấn nghiệp vụ chuyên môn và tiếp tục bổ sung thêm nguồn lực vào BCH công đoàn, BCH đoàn TNCS HCM và Hội Sinh viên. Từ năm 2017, Công đoàn và Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công đoàn và đoàn-hội cho cho tổ trưởng, chủ tịch công đoàn bộ phận và các BCH chi đoàn, chi hội. Tập trung xét chọn, tuyển chọn những cá nhân thực sự có năng lực và tâm huyết vào BCH các đoàn thể, tổ chức xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 11. Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

- 1. Mô tả**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Tồn tại**
- 4. Kế hoạch hành động**
- 5. Tự đánh giá: Đạt**

Tiêu chuẩn 12. Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

- 1. Mô tả**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Tồn tại**
- 4. Kế hoạch hành động**
- 5. Tự đánh giá: Đạt**

Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Trên cơ sở các quyết định cho phép thành lập và đào tạo, Khoa Kinh tế đã xây dựng đầy đủ chương trình đào tạo (CTĐT) và kế hoạch giảng dạy cho từng ngành học. CTĐT được thiết kế theo các bậc, hệ đào tạo. Tất cả các ngành học đều có chương trình khung và đề cương chi tiết đến từng môn học. CTĐT, đề cương chi tiết được công bố rộng rãi đến tất cả các đơn vị, được công bố trên website, được cập nhật, điều chỉnh thường xuyên trên cơ sở ý kiến góp ý của GV, các đơn vị chuyên môn và từ người học. CTĐT phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển của Khoa Kinh tế nói riêng và của trường CĐ Lý Tự Trọng TP.HCM nói chung. CTĐT có mục tiêu rõ ràng, được thiết kế đảm bảo tính hệ thống, tính hiện đại, tính thực tiễn, tính kế thừa và tính phát triển. Những điểm khái quát trên sẽ được minh chứng rõ hơn thông qua việc phân tích, đánh giá và qua những chứng cứ xác thực ở các tiêu chí sau đây:

Tiêu chuẩn 1. Các ngành, nghề đào tạo của khoa được cơ quan có thẩm quyền cấp *giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp*. Trường ban hành *chuẩn đầu ra* của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

a/ Mô tả

Dựa vào chương trình khung của Bộ LĐTB&XH và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền ký duyệt [minh chứng], Trường đã xây dựng và ký quyết định ban hành CTĐT cho khoa Kinh tế với 3 chuyên ngành quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ, kế toán doanh nghiệp và tài chính doanh nghiệp thuộc hai hệ cao đẳng và trung cấp [minh chứng] bao gồm CTĐT từng ngành, kế hoạch đào tạo [minh chứng], đề cương chi tiết và tài liệu tham khảo cho từng học phần trong CTĐT của từng chuyên ngành [nt] và đưa các kế hoạch đào tạo lên website của trường [nt]. Quá trình xây dựng chương trình khung cho các chuyên ngành của khoa Kinh tế, Khoa và nhà trường đã tham khảo các CTĐT trình độ đại học, cao đẳng của các trường Đại học Kinh tế TP.HCM [nt], Đại học Công nghiệp TP.HCM [nt] và Cao đẳng Kinh tế TP.HCM [nt]. Riêng việc tham khảo các CTĐT cao đẳng của các nước trên thế giới chưa thực hiện. Dựa vào phân công phối hợp, hướng dẫn xây dựng CTĐT [nt] khoa trực tiếp tổ chức việc xây CTĐT với sự tham gia của các GV và CBQL trong khoa và trường [nt]. Sau khi hoàn thành biên soạn, khoa tổ chức nghiệm thu từ cấp tổ bộ môn đến cấp khoa [nt]. Trên cơ sở đánh giá, nghiệm thu của khoa, Trường đã thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp trường [nt]. Hội

đồng nghiệm thu cấp trường tiến hành nghiệm thu, đánh giá [nt] và trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành.

Việc *xây dựng CTĐT và chuẩn đầu ra* cho các chuyên ngành đã thực hiện đúng theo các quy định do Bộ LĐTĐ&XH ban hành. Khoa đã thực hiện tham khảo ý kiến các GV trong khoa, các cán bộ quản lý và người học. Tuy nhiên trong quá trình xây dựng Khoa chưa mời thêm các GV, CBQL đang giảng dạy tại các trường cao đẳng và đại học khác tham gia góp ý trực tiếp vào quá trình xây dựng.

b/ Đánh giá

+ Điểm mạnh

CTĐT các chuyên ngành đào tạo đã xây dựng đúng theo quy định hiện hành. CTĐT đã xây dựng có sự tham gia của GV, CBQL, có tham khảo chương trình của các trường đại học, cao đẳng uy tín trong nước. Khoa đã mời các nhà khoa học chuyên môn ngoài trường tổ chức hướng dẫn và tham gia vào việc xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo.

+ Tồn tại

Việc xây dựng chương trình chủ yếu trên cơ sở sử dụng nội lực, chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến trực tiếp của các doanh nghiệp, hội nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động bên ngoài. Chưa tham khảo các CTĐT tiên tiến trên thế giới.

c/ Kế hoạch hành động

Hiện nay, phòng TS-ĐT đã biên soạn quy trình Xây dựng và hoàn thiện CTĐT, chuẩn đầu ra cùng các mẫu biểu áp dụng, có chú trọng biện pháp thu hút sự tham gia của đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng và người đã tốt nghiệp.

Từ năm 2017, Trường tổ chức thêm nhiều hội nghị, hội thảo chuyên đề để thu thập ý kiến đóng góp trực tiếp của các nhà doanh nghiệp, hội nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp về CTĐT và chuẩn đầu ra cho phù hợp với tình hình thực tế trong khu vực.

Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chuẩn 2. Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định

a/ Mô tả

Đối với bậc cao đẳng, dựa trên quy chế của Bộ [nt], Trường đã xây dựng cụ thể thành quy chế tuyển sinh [nt]. Theo quy chế, hình thức tuyển sinh đối với bậc cao đẳng và trung cấp là tổ chức xét tuyển theo học lực phổ thông hoặc theo điểm thi

ĐH-CD. Ngoài bậc cao đẳng, Trường đã xây dựng quy chế tuyển sinh cụ thể có sự hỗ trợ theo quy định của Nhà nước đối với các thí sinh học xong chương trình văn hóa ở bậc THCS [nt]. Quy chế tuyển sinh đã xây dựng các thông tin về tuyển sinh đối với từng bậc, hệ: Hình thức tuyển sinh, đối tượng, vùng tuyển, chỉ tiêu, thủ tục đăng ký và thời gian nộp hồ sơ [nt].

b/ Đánh giá:

+ Điểm mạnh

Quy chế tuyển sinh được xây dựng rõ ràng và cụ thể nên rất dễ triển khai và được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ mọi chế độ báo cáo tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT. Các thông tin liên quan đến tuyển sinh được thông báo công khai, rõ ràng, minh bạch.

+ Tồn tại

Quy chế tuyển sinh cũng còn nhiều hạn chế và khá cứng nhắc do bị hạn chế về tên trường, ngành nghề để triển khai nên công tác tuyển sinh chưa thực hiện để đạt được chỉ tiêu đặt ra.

c/ Kế hoạch hành động

Ban Giám Hiệu nhà trường đã xin được quyết định đổi tên trường thành trường CD Lý Tự Trọng nhằm khắc phục hạn chế trong vấn đề tuyển sinh các ngành không thuộc khối kỹ thuật như kinh tế, ngoại ngữ,... Tiếp tục nghiên cứu các phương án tuyển sinh linh hoạt, phù hợp với mục tiêu đào tạo để trình Bộ GD&ĐT xem xét, cho phép trường tự chủ tuyển sinh.

Tự đánh giá: Đạt.

***Tiêu chuẩn 3.** Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan*

a/ Mô tả

Trong những năm 2015 đến nay, Trường áp dụng hình thức tuyển sinh đối với bậc cao đẳng và trung cấp là tổ chức xét tuyển theo học lực phổ thông hoặc theo điểm thi ĐH-CD. Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh được giao cũng như Quy chế tuyển sinh và hướng dẫn tuyển sinh theo từng năm của Bộ GD&ĐT, Trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc để triển khai công tác tuyển sinh đúng quy trình và quy định [nt]. Toàn bộ thông tin tuyển sinh được công bố rộng rãi, rõ ràng thể hiện bằng văn bản [nt], trên tờ rơi [nt], trên website [nt], trên các báo chí [nt], trên cổng thông tin tuyển sinh cũng như được đưa vào tài liệu “Những điều cần biết về tuyển sinh”

của Bộ GD&ĐT hằng năm [nt], phổ biến tại các bảng thông báo trong khuôn viên trường [nt]. Kết quả Tuyển sinh và danh sách trúng tuyển [nt], phương án xét tuyển [nt] được Hội đồng tuyển sinh quyết định và thông báo công khai tại trường, trên website, trong các báo cáo cho cơ quan quản lý trường về số lượng đăng ký, số lượng dự tuyển, số lượng trúng tuyển, điểm trúng tuyển, số lượng nhập học. Trường đã báo cáo kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ đúng quy định biểu mẫu và thời gian [nt].

Quy trình tuyển sinh được thực hiện đúng kế hoạch, việc rà soát đối chiếu được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc. Chính vì vậy, trong suốt những năm qua không xảy ra sai sót, nhầm lẫn hay khiếu kiện về kết quả tuyển sinh. Hoạt động tuyển sinh tương đối đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu và đúng quy chế, được thể hiện qua kết luận của các Đoàn thanh tra [nt].

Trong 3 năm 2015, 2016 và 2017, dưới sự hỗ trợ của nhà trường, khoa Kinh tế đã tăng chỉ tiêu tuyển sinh theo chiều hướng tích cực qua các năm [nt]. Mặc dù các thông tin về tuyển sinh của khoa kinh tế rất chi tiết, cụ thể, rõ ràng, đầy đủ nhưng kết quả tuyển sinh trong 3 năm qua chưa đạt được như mong muốn. Một trong những nguyên nhân chưa đạt được số lượng tuyển sinh là phạm vi khu vực tuyên truyền về tuyển sinh của trường hẹp và số lượt tuyên truyền ít, bộ phận tuyển sinh chưa đề xuất được các giải pháp để thu hút thí sinh. Ngoài ra, lượng thí sinh ảo trong các đợt xét tuyển quá lớn, thời gian xét tuyển kéo dài, lệ thuộc vào tuyển sinh của các trường Đại học.

b/ Đánh giá:

+ Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của khoa Kinh tế nói riêng và của toàn trường nói chung được tổ chức thực hiện nghiêm túc, chính xác, công bằng, khách quan đúng theo Quy chế tuyển sinh. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ mọi chế độ báo cáo tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT. Các thông tin liên quan đến tuyển sinh được thông báo công khai, rõ ràng, minh bạch, không có khiếu tố, khiếu nại gì về công tác tuyển sinh.

+ Tồn tại

Do là một khoa mới thành lập vào năm 2015 nên thông tin chưa được phổ biến với các đối tượng tuyển sinh trong khu vực. Công tác tư vấn, tuyên truyền tuyển sinh trong các năm qua chỉ mới thực hiện trên website, tờ rơi quảng cáo và báo chí, chưa sâu rộng, chưa đa dạng về hình thức và các kênh thông tin cũng như chưa mở rộng khu vực tuyên truyền. Những năm gần đây tuyển sinh chỉ áp dụng xét tuyển dựa trên kết quả thi của

thí sinh nên ngày càng khó khăn do hạn hẹp nguồn tuyển, số lượng đăng ký ảo quá lớn, tạo ra tình trạng chất lượng tuyển đầu vào thấp, nguồn tuyển bị động và lệ thuộc vào kết quả thi tuyển của trường khác, hoạt động xét tuyển kéo dài.

c/ Kế hoạch hành động

Từ tháng 12 hằng năm, phòng TS-ĐT chủ động xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm sau, tăng cường công tác tuyên truyền thông tin tuyển sinh trên các phương tiện truyền thông, trên website, trực tiếp tại các trường THCS, THPT và các địa phương, các điểm tư vấn để giúp cho thí sinh thấy rõ được những lợi thế về tính đa dạng trong đào tạo của trường, nhất là liên thông học ở các bậc học cao hơn sau khi học các bậc đào tạo nhằm tăng số lượng đầu vào, đạt chỉ tiêu tuyển sinh. Tiếp tục nghiên cứu các phương án tuyển sinh linh hoạt, phù hợp với mục tiêu đào tạo để trình Bộ GD&ĐT xem xét, cho phép trường tự chủ tuyển sinh. Nghiên cứu, đánh giá, khảo sát toàn diện các yếu tố tâm lý xã hội liên quan đến đối tượng, nguồn tuyển sinh, để có hình thức và nội dung tuyên truyền, tư vấn phù hợp, đạt hiệu quả cao.

Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chuẩn 4. Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

a/ Mô tả

Đối với các bậc học, dựa trên quy chế của Bộ [nt], Trường đã cụ thể thành quy chế đào tạo [nt]. Theo quy chế, phương thức tổ chức đào tạo đã được đa dạng hóa và linh hoạt để phù hợp với tất cả các đối tượng tham gia. Trường đã thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng liên kết với các đơn vị và địa phương, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội.

Trong hoạt động đào tạo, nhà trường quan tâm chỉ đạo tăng cường nghiên cứu đổi mới phương pháp đào tạo, lấy người học làm trung tâm; Tích cực sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý giám sát, đánh giá kết quả học tập của học sinh-sinh viên, đảm bảo tính khách quan, đánh giá đúng năng lực học tập của sinh viên.

b/ Đánh giá

+ Điểm mạnh:

Phương pháp đào tạo đa dạng và hình thức đánh giá đã được đổi mới phù hợp với hình thức học tập và đặc điểm học phần; đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo, giữa các bậc, hệ; Kết quả đổi mới đã đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, nội

dung giảng dạy của GV và kích thích tính tự chủ của HSSV. Khoa đã triển khai và hoàn thiện tốt hình thức liên thông từ trung cấp lên cao đẳng.

+ Tồn tại:

Do Khoa mới thành lập, chưa có đối tượng HSSV tốt nghiệp ra trường nên hình thức đào tạo liên thông đại học chưa được triển khai.

c/ Kế hoạch hành động:

Năm học 2015-2016, 2016-2017 và các năm tiếp theo tiếp tục thực hiện xây dựng và đổi mới phương thức đào tạo cho phù hợp với các đối tượng đào tạo đảm bảo được tính khách quan trong dạy và học, góp phần tăng khả năng tư duy, năng lực phát triển và giải quyết các vấn đề của người học.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 5. Trường xây dựng và phê duyệt *kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học*. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

a/ Mô tả

Căn cứ quyết định thành lập [nt] khoa Kinh tế đã triển khai và tổ chức quá trình đào tạo các ngành được phép đào tạo [nt] với tiêu chí đảm bảo đạt được các mục tiêu, nội dung chương trình; đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động xã hội. Dựa vào CTĐT đã được phê duyệt [nt], Phòng TS-ĐT phối hợp khoa Kinh tế lập kế hoạch giảng dạy theo học kỳ, năm học [nt], triển khai thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình. Để tổ chức đào tạo đúng theo mục tiêu, khoa Kinh tế đã triển khai các hoạt động trên cơ sở bám sát các mục tiêu đề ra: Xây dựng và hoàn chỉnh các chương trình [nt]; xây dựng kế hoạch phân công giảng viên [nt], trong đó thể hiện rõ khối lượng công việc được giao: số tiết giảng dạy, NCKH, các hoạt động sư phạm khác. Dựa trên kế hoạch phân công giảng dạy, khoa – tổ bộ môn phân công khối lượng giảng dạy đến từng giảng viên, theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch giảng dạy của GV [nt] và mức độ bám sát cây tiến trình đào tạo của từng chuyên ngành đào tạo [nt]. Việc theo dõi tiến độ giảng dạy căn cứ kế hoạch giảng dạy kết hợp sổ lên lớp, sổ đầu bài [nt] hàng ngày và kiểm tra thực tế của bộ phận thanh tra giáo dục, có những điều chỉnh kịp thời để đảm bảo tiến độ, không làm xáo trộn lịch trình của năm học. Thời khóa biểu của các lớp từng học kỳ được

thông báo cho GV, HSSV bằng văn bản, trên website và chuyển bằng thư điện tử trên egov một tuần trước khi bắt đầu học kỳ. Những trường hợp thời khóa biểu thay đổi bất thường đều được thông báo tới các cá nhân, đơn vị liên quan để chủ động trong việc thực hiện [nt]. Phân bổ chuẩn cho từng ngành đào tạo được công bố trên website [nt] để HSSV tham khảo, lựa chọn phương án đăng ký học phần và lập thời khóa biểu cá nhân. HSSV cũng được phép xin mở lớp theo yêu cầu để chủ động học rút ngắn hoặc học trả nợ để theo kịp tiến độ của khóa học. Khoa – tổ bộ môn trực tiếp quản lý việc thực hiện giảng dạy theo mục tiêu, nội dung chương trình theo kế hoạch của đơn vị và theo khung kế hoạch tiến độ đào tạo chung của toàn trường [nt].

Chương trình của từng chuyên ngành đã bám sát theo mục tiêu, nội dung có sự điều chỉnh để đáp ứng việc phát triển các công nghệ mới. Trong các năm qua Trường đã bổ sung các học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng học và thuyết trình để hình thành kỹ năng mềm: viết báo cáo công tác, làm việc theo nhóm, nâng cao khả năng thuyết trình nhằm giúp ích cho các em khi ra trường làm việc tốt hơn [nt].

Tất cả học phần khi đưa vào giảng dạy đều có đề cương chi tiết được tổ bộ môn biên soạn, khoa chuyên môn phê duyệt và trình Hiệu trưởng ký ban hành. Ngoài nội dung chuyên môn, đề cương phân định rõ số tiết của các thành phần (lý thuyết, thực hành, bài tập, đồ án, tự học,...) và phương thức đánh giá kết quả học tập. Đề cương chi tiết được thông báo trên lớp cho HSSV ngay tiết đầu. Tất cả giảng viên cùng giảng dạy một môn học đều thực hiện theo một đề cương chung [nt]. Cơ sở thực tiễn quan trọng giúp các khoa điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội là tổ chức các hội nghị, hội thảo với các nhà tuyển dụng lao động để thu nhận ý kiến đánh giá về người tốt nghiệp [nt], về chất lượng chương trình đào tạo [nt], chuẩn đầu ra [nt].

b/ Đánh giá

+ Điểm mạnh

Trường đã xây dựng tiến độ thực hiện kế hoạch đào tạo ngay từ đầu năm học làm cơ sở cho Khoa và các phòng ban có liên quan xây dựng kế hoạch hoạt động. Có sự phối hợp đồng bộ giữa khoa - bộ môn và các phòng chức năng trong tổ chức đào tạo.

Việc tổ chức đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình của từng chuyên ngành được thực hiện có trình tự, công khai. Lịch trình của từng môn học được bố trí, sắp xếp khoa học, hợp lý phù hợp, đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung chương trình, đúng tiến độ cho từng khóa học theo kế hoạch. Xây dựng tiến trình đào tạo toàn khóa (biểu đồ Gantt) cho từng khóa học.

+ Tồn tại

Chưa có nghiên cứu cụ thể mức độ tổ chức đào tạo đáp ứng như thế nào so với chuẩn đầu ra đã xây dựng từ năm 2015. Việc kiểm tra thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình vẫn mang nặng tính hình thức, chưa đi sâu vào nội dung chất lượng, do đó chưa tìm ra được nguyên nhân làm hiệu suất đào tạo thấp, nhất là đối với bậc trung cấp.

Việc tổ chức tham khảo lấy ý kiến, tổ chức hội thảo, chưa được thường xuyên và toàn diện, do đó chưa có nhiều thông tin phản hồi về chất lượng HSSV tốt nghiệp có đáp ứng mục tiêu đào tạo đã đặt ra hay không để có sự đánh giá và điều chỉnh cần thiết đối với chương trình và phương pháp tổ chức đào tạo.

c/ Kế hoạch hành động

Hàng năm, Phòng TS-ĐT xây dựng kế hoạch đánh giá toàn diện quá trình tổ chức đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đảm bảo nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. Mỗi năm tổ chức ít nhất 1 hội thảo với các doanh nghiệp và 02 đợt khảo sát cựu HSSV để thu thập ý kiến phản hồi. Tiến hành rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Luật Giáo dục đại học; xây dựng các chương trình cao đẳng tiên tiến và tổ chức đào tạo đáp ứng xu thế hội nhập cộng đồng ASEAN.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 6. Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Đã đánh giá theo tiêu chuẩn 5

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 7. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

a/ Mô tả:

Các chương trình đào tạo của nhà trường đều trình bày rõ mục tiêu đào tạo của từng ngành, chuyên ngành, xác định rõ vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp [nt] theo đúng nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt [nt].

Khoa Kinh tế đã tổ chức đào tạo theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo của từng chuyên ngành cụ thể [nt]. Để triển khai thực hiện tốt việc đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, đầu năm học Phòng TS-ĐT phối hợp với các khoa xây dựng kế hoạch giảng dạy của năm học cho toàn trường [nt] và thời khóa biểu [nt]. Từ đó các Khoa, Tổ, Bộ môn lên kế hoạch phân công giảng dạy cho từng giảng viên [nt]. Hàng ngày giảng viên lên lớp ghi tên bài giảng, số tiết thực hiện và ký tên vào sổ lên lớp [nt]

Hàng năm HSSV tốt nghiệp ra trường, Nhà trường đã tiến hành khảo sát học sinh, sinh viên về nội dung chương trình đào tạo [nt]. Kết quả điều tra về tình hình sinh viên sau tốt nghiệp cho thấy đa số sinh viên tốt nghiệp ra trường được đánh giá có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng phù hợp với nhu cầu của xã hội [nt].

b/ Đánh giá

+ Điểm mạnh

Trường đã tổ chức đào tạo theo mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

+ Tồn tại:

Số ngành đào tạo của Khoa còn ít so với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. Do khoa mới thành lập nên việc khảo sát đối với cựu sinh viên và người sử dụng lao động về nội dung chương trình đào tạo còn hạn chế.

c/ Kế hoạch hành động

Từ năm 2017 nhà trường tiếp tục xin mở một số chuyên ngành đào tạo mới cho khoa Kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu người học.

Trong một chu kỳ kiểm định, trường sẽ tổ chức một lần lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, doanh nghiệp và cựu học sinh sinh viên về các mặt. Trên cơ sở đó, nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh bổ sung nội dung chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, ngành nghề đào tạo để tăng số lượng học sinh sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay và phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chuẩn 8. Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực

hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

a/ Mô tả:

Các phương pháp đào tạo hiện nay tại trường được áp dụng rất đa dạng tùy theo tính chất của từng môn học phần như: giảng lý thuyết theo phương pháp truyền thống, phương pháp giải quyết tình huống, làm việc theo nhóm, viết tiểu luận, thuyết trình đề tài... Có nhiều học phần giảng viên đã kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau, nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong giảng dạy [nt]. Hầu hết các môn học đều có ứng dụng tin học trong giảng dạy [nt].

Nhằm hỗ trợ cho các phương pháp đào tạo tích cực, trường đã tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy như: trang bị đèn chiếu, máy tính... [nt]. Nhà trường đã tổ chức hội thảo về “Đổi mới phương pháp giảng dạy” [nt], về ”Vai trò của giảng viên trong việc nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục” [nt], qua đó để các giảng viên trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn và phương pháp giảng dạy.

Các giảng viên được ký hợp đồng làm việc, giảng dạy tại khoa Kinh tế đều phải có đủ chứng chỉ sư phạm, phải có trình độ nghiệp vụ tốt [nt]

Trường đã triển khai việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên qua hình thức đưa tiêu chí về hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên cơ hữu vào hệ thống đánh giá thi đua toàn trường [nt]. Các giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua đều phải có sáng kiến kinh nghiệm về phương pháp dạy học được đưa vào áp dụng trong năm học [nt].

b/ Đánh giá

+ Điểm mạnh:

Trường đã thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy, qua đó đã phát huy tính tích cực, chủ động của người học. Trường quan tâm đầu tư mạnh về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy.

+ Tồn tại:

Việc đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm chưa được cụ thể hóa và triển khai kết quả chưa đều ở các hệ, bậc đào tạo.

c/ Kế hoạch hành động:

Mỗi học kỳ tổ chức triển khai hội thảo, dự giảng để rút kinh nghiệm trao đổi với giảng viên. Tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy qua phiếu điều tra, tăng cường thời gian đi thực tế cho HSSV.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 9. Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Đã đánh giá theo tiêu chuẩn 8

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 10. Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

a/ Mô tả

Trường luôn đặt việc tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học lên hàng đầu, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch hoạt động đào tạo từng học kỳ, năm học [nt]. Trường thường xuyên tổ chức dự giờ và thi giáo viên dạy giỏi. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên đã tìm hiểu, nghiên cứu biện pháp thực hiện tốt hơn cho từng tiết giảng, từng chương. Các biện pháp đó được tổng kết thông qua sáng kiến kinh nghiệm trình cho Hội đồng KH&ĐT duyệt [nt] và được báo cáo trong các hội thảo từ cấp khoa đến cấp trường, giúp cho GV học tập kinh nghiệm lẫn nhau, rút kinh nghiệm cho bản thân. Trường đã thực hiện dự giờ, kiểm tra toàn diện, tổ chức thao giảng cấp khoa và hội giảng cấp trường [nt], đã đưa các tiêu chí phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của SV vào phiếu dự giờ để đánh giá chất lượng giảng dạy của GV [nt] và đã thực hiện dự giờ 100% GV/năm. Khoa tổ chức đăng ký tiết thao giảng và phân công GV khác dự giờ đánh giá tiết giảng các giáo viên đã đăng ký. Sau tiết dự, khoa tổ chức đóng góp để rút kinh nghiệm chung cho tất cả GV. Các đánh giá dự giờ từng học kỳ đều được tổng kết và báo cáo về trường [nt]. Cuối học kỳ, khoa tổ chức kiểm tra toàn diện hồ sơ chuyên môn của GV và thực hiện đánh giá chấm điểm theo phiếu kiểm tra chuyên môn [nt].

b/ Đánh giá

+ Điểm mạnh

Trường đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện chủ trương đổi mới

phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm. Đã tổ chức kiểm tra đánh giá hoạt động dạy và học thông qua dự giờ, thao giảng và phiếu điều tra. Qua đó, GV có thể nhận được đánh giá hoạt động của mình từ SV qua phiếu khảo sát để tự điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp. Hạ tầng thông tin và cơ sở vật chất được triển khai đồng bộ và vững chắc, làm tiền đề cho việc đổi mới dạy và học.

+ Tồn tại

Việc đánh giá hiệu quả đổi mới chưa được thực hiện thường xuyên, hình thức đánh giá chưa phong phú. GVCN-CVHT chưa thường xuyên tiếp cận với HSSV khi quản lý lớp. Cuộc vận động đổi mới phương pháp dạy và học chưa thực sự tác động mạnh đến chủ thể là HSSV. Còn một số HSSV thiếu tinh thần tự giác, thiếu tính hợp tác, chưa tự học, tự nghiên cứu, nên chưa tiếp cận được phương pháp mới.

c/ Kế hoạch hành động

Tăng cường chất lượng công tác GVCN-CVHT dựa trên các tiêu chí thường xuyên tiếp cận, động viên hướng dẫn cho HSSV phương pháp học tập, tinh thần tự giác học tập, tự nghiên cứu, tinh thần hợp tác, phương pháp học nhóm và hoạch định kế hoạch học tập cá nhân.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 11. Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

Đã đánh giá theo tiêu chuẩn 10

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 12. Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

a/ Mô tả

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học là hoạt động quan trọng trong quá trình giảng dạy và luôn được nhà trường coi trọng. Căn cứ vào quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT [nt] và tình hình thực tế, trường đã ban hành văn bản hướng dẫn một số nội dung cụ thể trong quy chế: quy định trách nhiệm của sinh viên, học sinh trong kỳ thi học kỳ và tốt nghiệp [nt]; quy định mẫu tiêu đề thi thống nhất [nt] đồng thời ban hành hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn, chỉ đạo về công tác ra đề, coi thi, chấm thi [nt]

nhằm từng bước đổi mới phương pháp và quy trình kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo công tác tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả của người học được thực hiện một cách thống nhất, đồng bộ, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức học tập và đặc thù môn học. Quy trình nhận và trả bài thi rõ ràng [nt]

Trường quy định về cách tính điểm kiểm tra và thi học phần [nt] để thực hiện việc đánh giá kết quả học tập từng học phần theo quá trình. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được đa dạng hóa với các hình thức: thuyết trình, thực hành, bài tập theo nhóm, thảo luận tổ, viết, vấn đáp, hoặc kết hợp các hình thức trên [nt].

Công tác coi thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất cho các khóa lớp và theo đúng quy chế [nt]. Các kỳ thi học kỳ và tốt nghiệp đều có thanh tra thi [nt]. Thi kết thúc học phần được nhà trường tổ chức theo học kỳ gồm một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ [nt]. Lịch thi của từng lớp, từng kỳ được thông báo rõ ràng trước kỳ thi ít nhất là 02 tuần [nt].

Thực hiện quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo , trường đã triển khai trong toàn trường cuộc vận động “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục” của Bộ Giáo dục và Đào tạo ” [nt].

b/ Đánh giá

+ Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành quy định cụ thể về quy trình tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp khóa học, tạo ra sự thống nhất và chuẩn hóa công tác này. Đã thực hiện đa dạng hóa phương pháp kiểm tra đánh giá.

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, khách quan công bằng. Đã xây dựng quy trình đánh giá kết quả học tập cho toàn bộ các học phần trong chương trình đào tạo. Quy trình nhận và trả bài thi rõ ràng

Hưởng ứng và thực hiện chủ trương “Nói không với tiêu cực trong thi cử” trường đã đảm bảo nghiêm túc các kỳ thi.

+ Tồn tại:

Chưa có nhiều dạng đề thi mở, trắc nghiệm khách quan, chưa xây dựng hoàn thiện ngân hàng câu hỏi.

c/ Kế hoạch hành động:

Từ năm 2017, định kỳ hàng năm Khoa và phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp để triển khai đánh giá chất lượng đề thi thông qua việc thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi để kịp thời điều chỉnh và bổ sung. Tiếp tục hoàn thiện ngân hàng câu hỏi cho các môn học dưới sự phân công của các tổ bộ môn và kiểm soát của khoa.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 13. Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Đã tự đánh giá trong tiêu chuẩn 1 về chuẩn đầu ra

Tự đánh giá: Không Đạt

Tiêu chuẩn 14. Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Đã tự đánh giá trong tiêu chuẩn 12

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 15. Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Đã tự đánh giá trong tiêu chuẩn 12

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 16. Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Đã tự đánh giá trong tiêu chuẩn 4

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 17. Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

a/ Mô tả:

Trường cũng như khoa Kinh tế có đầy đủ dữ liệu về hoạt động đào tạo: số liệu tuyển sinh [nt]; nội dung chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, chương trình chi tiết,... [nt]; về kết quả tốt nghiệp [nt]; hệ thống hồ sơ lưu trữ, cấp văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ học tập [nt] được in và lưu trữ trên giấy và trên máy theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có số liệu thống kê hàng năm về tình hình sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp [nt]. Nhân dịp Lễ Tốt nghiệp các khóa, nhà trường đã tiến hành khảo sát điều tra về tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp của SV qua Phiếu khảo sát [nt]. Trên cơ sở đó, Nhà trường thực hiện việc đánh giá mục tiêu, chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo trong thời gian tới cho phù hợp với tình hình thực tế.

b/ Đánh giá

+ Điểm mạnh:

Các cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo đầy đủ, đúng quy định nhà nước.

+ Tồn tại:

Do hệ thống mạng nội bộ chưa hiệu quả nên một số việc tập hợp và lưu trữ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường còn thủ công, chưa áp dụng tốt phần mềm quản lý xuyên suốt người học từ khi vào trường cho đến khi tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp.

c/ Kế hoạch hành động:

Năm 2017 Khoa Kinh tế hoàn thiện nội dung phiếu điều tra HSSV để đáp ứng yêu cầu quản lý của nhà trường.

Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

a/ Mô tả

Khoa Kinh tế xây dựng CTĐT các chuyên ngành với đề cương chi tiết rõ ràng, cụ thể và thống nhất cho từng học phần [nt]. Các GV được phân công giảng dạy phải soạn bài giảng bám sát vào nội dung đề cương chi tiết và triển khai nội dung có cập nhật phù hợp với mục tiêu của CTĐT và thực tiễn của thị trường hiện nay [nt]. Mỗi học kỳ khoa tổ chức kiểm tra hồ sơ chuyên môn của tất cả GV và đánh giá tính hiệu quả của bài giảng cũng như công tác dạy và học qua hình thức dự giờ [nt].

b/ Đánh giá

+ Điểm mạnh

Kết quả 100% GV của khoa Kinh tế giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện tốt tất cả các yêu cầu của chương trình đào tạo.

+ Tồn tại

Do khoa mới thành lập nên CTĐT và đề cương chi tiết vẫn đang từng bước cập nhật và

hoàn thiện.

c/ Kế hoạch hành động

Hoàn thiện CTĐT và đề cương chi tiết bám sát vào nhu cầu thực tế của nhà tuyển dụng. 100% GV của khoa thường xuyên cập nhật và đổi mới nội dung giảng dạy cho phù hợp với thực tế nhằm gia tăng cho HSSV tinh thần tự giác học tập, tự nghiên cứu, tinh thần hợp tác, phương pháp học nhóm và hoạch định kế hoạch học tập cá nhân.

Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Xây dựng đội ngũ CBQL-GV-NV có phẩm chất, năng lực, tương xứng với nhiệm vụ được giao là nhân tố quyết định thành công trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo và phục vụ đào tạo. Bên cạnh các chính sách đãi ngộ theo quy định, Trường còn có những qui định để tạo điều kiện thuận lợi giúp đội ngũ CBQL-GVNV học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước. Hiện nay Trường có đội ngũ CBQL-GV-NV hợp lý về cơ cấu; đảm bảo về chất lượng, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ, công tác đào tạo và NCKH. Trường đã đề ra các biện pháp đánh giá công tác giảng dạy và phục vụ, giúp CBQL-GV-NV có cơ sở cải tiến phương pháp giảng dạy, phục vụ giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học. Trên cơ sở các văn bản pháp luật nhà nước, trường đã cơ bản hoàn thiện hệ thống các văn bản chỉ đạo: Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy định chế độ công tác, Quy chế chi tiêu nội bộ... làm cơ sở cho CBQL-GV-NV thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Đội ngũ CBQL-GVNV của trường ngoài việc đảm bảo các yêu cầu về chuẩn trình độ, cơ cấu còn đảm bảo cả về số lượng, tuổi đời và tính kế thừa.

Những điểm khái quát trên sẽ được minh chứng rõ hơn thông qua việc phân tích, đánh giá và qua những chứng cứ xác thực ở các tiêu chuẩn sau đây:

Tiêu chuẩn 1. Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

1. Mô tả

Trường đã chủ trương xây dựng đội ngũ CBQL-GV-NV có chất lượng, có trách nhiệm, nhiệt tình công tác, được thể hiện trên các mặt: đạo đức nghề nghiệp; năng lực chuyên môn; phương pháp giảng dạy và năng lực quản lý. Thực hiện chủ trương đó, Trường đã chỉ đạo xây dựng và ban hành văn bản quy định, quy trình công tác tuyển dụng, tập sự và xét hết tập sự [H5.5.2.1]. Việc tuyển dụng CB-VC của trường đều xuất phát từ nhu

cầu của các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm. Hằng năm Trường có kế hoạch tuyển dụng GV-NV dựa trên chỉ tiêu đã được phê duyệt [H5.5.2.2]. Trường đã thông báo tuyển dụng và công khai các yêu cầu, tiêu chuẩn, số lượng cần tuyển, thời gian và nội dung thi tuyển rõ ràng [H5.5.2.3], được công khai trên website và các phương tiện truyền thông [H5.5.2.4]. Trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho CBQL-GV-NV [H5.5.2.5] để phát triển đội ngũ GV-NV, thành lập Hội đồng xét cử viên chức đi học sau đại học để đảm bảo quyền lợi cho người đi học [H5.5.2.6]. Danh sách CBQL-GV-NV tham gia dự tuyển sau đại học được lập từ nhu cầu các đơn vị hằng năm [H5.5.2.7]. Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định cụ thể về chế độ, chính sách và tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ CBQL-GV-NV được tham gia các hoạt động nâng cao nghiệp vụ chuyên môn (học Thạc sĩ, Tiến sĩ) ở trong và ngoài nước [H5.5.2.8]. Tuy nhiên, công tác tuyển dụng vẫn chưa đảm bảo theo mong muốn, trình độ ngoại ngữ của GV còn khiêm tốn.

2. Điểm mạnh

Trường có chủ trương, có kế hoạch, và ban hành triển khai thực hiện tốt các quy định có liên quan đến công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, cán bộ theo quy trình và tiêu chí rõ ràng, minh bạch, nên đã phát huy được tác dụng và đạt hiệu quả cao với đội ngũ GV-NV có năng lực đáp ứng được sứ mạng, mục tiêu của trường.

3. Tồn tại

Do trình độ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên còn khiêm tốn nên ít có điều kiện để tham gia hoạt động chuyên môn ở nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Trường sẽ tiếp tục đưa ra các giải pháp hiệu quả hơn về công tác này, đặc biệt là vấn đề tuyển dụng đội ngũ giảng viên có trình độ ngoại ngữ phù hợp

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chuẩn 2. Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

1. Mô tả

Trường đã chủ trương xây dựng đội ngũ CBQL-GV-NV có chất lượng, có trách nhiệm,

niệt tình công tác, được thể hiện trên các mặt: đạo đức nghề nghiệp; năng lực chuyên môn; phương pháp giảng dạy và năng lực quản lý. Thực hiện chủ trương đó, Trường đã chỉ đạo xây dựng và ban hành văn bản quy định, quy trình công tác tuyển dụng, tập sự và xét hết tập sự [H5.5.2.1]. Việc tuyển dụng CB-VC của trường đều xuất phát từ nhu cầu của các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm. Hằng năm Trường có kế hoạch tuyển dụng GV-NV dựa trên chỉ tiêu đã được phê duyệt [H5.5.2.2]. Trường đã thông báo tuyển dụng và công khai các yêu cầu, tiêu chuẩn, số lượng cần tuyển, thời gian và nội dung thi tuyển rõ ràng [H5.5.2.3], được công khai trên website và các phương tiện truyền thông [H5.5.2.4]. Trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho CBQL-GV-NV [H5.5.2.5] để phát triển đội ngũ GV-NV, thành lập Hội đồng xét cử viên chức đi học sau đại học để đảm bảo quyền lợi cho người đi học [H5.5.2.6]. Danh sách CBQL-GV-NV tham gia dự tuyển sau đại học được lập từ nhu cầu các đơn vị hằng năm [H5.5.2.7]. Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định cụ thể về chế độ, chính sách và tạo điều kiện về thời gian cũng như hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ CBQL-GV-NV được tham gia các hoạt động nâng cao nghiệp vụ chuyên môn (học Thạc sĩ, Tiến sĩ) ở trong và ngoài nước [H5.5.2.8]. Tuy nhiên, công tác tuyển dụng vẫn chưa đảm bảo theo mong muốn, trình độ ngoại ngữ của GV còn khiêm tốn.

2. Điểm mạnh

Trường có chủ trương, có kế hoạch, và ban hành triển khai thực hiện tốt các quy định có liên quan đến công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, cán bộ theo quy trình và tiêu chí rõ ràng, minh bạch, nên đã phát huy được tác dụng và đạt hiệu quả cao với đội ngũ GV-NV có năng lực đáp ứng được sứ mạng, mục tiêu của trường.

3. Tồn tại

Do trình độ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên còn khiêm tốn nên ít có điều kiện để tham gia hoạt động chuyên môn ở nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Trường sẽ tiếp tục đưa ra các giải pháp hiệu quả hơn về công tác này, đặc biệt là vấn đề tuyển dụng đội ngũ giảng viên có trình độ ngoại ngữ phù hợp

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 3. Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên

môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.

1. Mô tả

Với nhiệm vụ là nơi đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng, nên Trường luôn quan tâm đến trình độ của đội ngũ GV. Hiện nay, Trường có 217 GV, bao gồm 6 tiến sĩ, 105 thạc sĩ (trong đó có 08 đang nghiên cứu sinh) và 108 đại học (trong đó có 36 đang theo học thạc sĩ). Như vậy tất cả GV đều đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2005 [H5.5.4.1], Luật Giáo dục Đại học [H5.5.4.2] và Điều lệ trường cao đẳng [H5.5.4.3]. So với yêu cầu có ít nhất 50% số GV đạt trình độ sau đại học của Bộ GD&ĐT thì Trường đạt quy định. Tuy nhiên nếu xét riêng từng khoa thì lực lượng cán bộ chuyên môn đầu đàn ở một số ngành đào tạo còn ít, gây ra nhiều khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu phát triển của trường. Đa số các GV của trường đều được phân công giảng dạy đúng theo chuyên môn đào tạo, đảm bảo cơ cấu và trình độ theo quy định, biết sử dụng hoặc sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng để thiết kế bài dạy và phục vụ cho giảng dạy cũng như cho NCKH. Hiện nay toàn trường có khoảng 75% số cán bộ giảng dạy luôn sử dụng máy vi tính, 95% số CB-VC thường sử dụng máy vi tính phục vụ giảng dạy [H5.5.4.6]. Về trình độ ngoại ngữ: Đa số GV của trường có trình độ ngoại ngữ căn bản, 3.8% GV có trình độ A, 23.6% GV có trình độ B, 8.9% GV có trình độ C và 9.6% GV có trình độ đại học trở lên, trong đó có 9.6% GV sử dụng tốt ngoại ngữ trong chuyên môn và giao tiếp [H5.5.4.7].

Trường có kế hoạch sắp xếp, bố trí GV đi học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ. Đặc biệt đội ngũ GV đang học cao học và nghiên cứu sinh [H5.5.4.8]. Đội ngũ GV của trường có năng lực chuyên môn nghiệp vụ tốt, trong các kỳ hội giảng, nhiều giảng viên đạt giáo viên giỏi cấp trường, cấp thành phố và cấp bộ [H5.5.4.9]. Để đáp ứng yêu cầu quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 – 2020 [H5.5.4.4], Trường đã xây dựng Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2015 – 2020 nhằm xây dựng đội ngũ GV ngày càng nâng cao về chất lượng và số lượng [H5.5.4.5].

2. Điểm mạnh

Trường có đội ngũ GV đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định, giảng dạy theo chuyên môn đã được đào tạo. Số lượng GV có trình độ tiến sĩ còn ít nhưng đã đáp ứng được nhu cầu cơ cấu trình độ của trường. Đa số thạc sĩ có tuổi đời tương đối trẻ (< 45 tuổi) vì vậy rất nhạy bén trong việc ứng dụng các CNKT tiên tiến trong quá trình

giảng dạy. Các GV trẻ của trường tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn. GV có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào đào tạo và NCKH.

3. Tồn tại

Tại một số khoa số lượng giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ còn ít. Còn một số GV lớn tuổi chưa đạt trình độ chuẩn về ngoại ngữ, tin học. Trình độ ngoại ngữ của các GV không đồng đều, khả năng giao tiếp về ngoại ngữ của GV còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường xây dựng kế hoạch và quy trình tuyển dụng những GV trẻ đầy đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn (tiến sĩ, thạc sĩ) cho những khoa (bộ môn) còn thiếu GV có trình độ cao để đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục đại học và Điều lệ trường cao đẳng. Có kế hoạch tổ chức các lớp ngoại ngữ, tin học để bồi dưỡng cho đội ngũ GV hiện đang công tác tại trường để các GV đạt chuẩn, có khả năng ứng dụng trong giảng dạy, trao đổi chuyên môn, NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 4. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

1. Mô tả

Trường hiện có 385 CBQL-GV-NV, trong đó: 46 CBQL (Ban Giám hiệu và trưởng phó phòng, khoa, trung tâm), 210 GV cơ hữu, 10 GV thỉnh giảng, 68 nhân viên cơ hữu và 61 GV-NV hợp đồng ngoài ngân sách. CBQL-GV-NV thực hiện tốt nghĩa vụ và được đảm bảo quyền lợi theo qui định của Điều lệ trường cao đẳng [H5.5.1.1], Luật lao động, Luật cán bộ công chức, Luật viên chức [H5.5.1.2] và các quy định khác của trường [H5.5.1.3]. Các nghĩa vụ của từng cá nhân CBQL-GVNV đã được Trường tổ chức xây dựng thông qua đề án vị trí việc làm [H5.5.1.4]. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, được phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể. Các phòng, khoa, trung tâm là những đơn vị tham mưu giúp việc cho Ban Giám hiệu thực hiện công việc đúng theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị đã được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [H5.5.1.5]. Đội ngũ GV làm việc theo phân công, được bố trí giảng dạy phù hợp với chuyên môn; được học tập nâng cao trình độ chuyên môn cũng như tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, ngoại khóa;

được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tế sản xuất, vào giảng dạy và quản lý [H5.5.1.6]. Đội ngũ NV được làm việc theo sự phân công, luôn hoàn thành tốt công việc được giao, phục vụ tốt cho công tác đào tạo của trường nhằm phát huy tối đa hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của đơn vị; được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác đào tạo, lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức [H5.5.1.7]. CBQL-GV-NV được hưởng đầy đủ, kịp thời các chế độ, quyền lợi về vật chất, tinh thần theo các chế độ chính sách quy định cho CBQL-GV-NV: phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên, phụ cấp độc hại [H5.5.1.8]; được xét nâng lương trước hạn; được tham quan, nghỉ mát trong các dịp hè [H5.5.1.9]; tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao do Trường phát động [H5.5.1.10]; được hưởng các chế độ nghỉ lễ, nghỉ Tết, được nghỉ hè, nghỉ thường niên theo quy định của Nhà nước [H5.5.1.11]; được thi nâng ngạch, chuyển ngạch và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật [H5.5.1.12], được xét tặng các danh hiệu Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” và các danh hiệu thi đua khác [H5.5.1.13]. Trường luôn tổ chức đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ theo qui định đối với CBQL-GV-NV hằng năm [H5.5.1.14] làm cơ sở bình chọn lao động tiên tiến, lao động xuất sắc. Bên cạnh đó, Trường tạo mọi điều kiện cho CBQL-GV-NV được đi học tập, nghiên cứu trong và ngoài nước [H5.5.1.15]. Tuy nhiên, có một số ít CBQL-GV-NV chưa thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình như lên lớp chưa đúng giờ, chưa thực hiện đồng phục theo qui định.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL-GV-NV có năng lực chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ, đúng qui định đảm bảo quyền lợi CB-VC. Đảm bảo được tính công bằng dân chủ trong trường học từ nghĩa vụ, chế độ đến quyền lợi của người lao động.

3. Tồn tại

Công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của CBVC tại một số đơn vị chưa chặt chẽ. Việc chấp hành giờ giấc lao động của một số ít CB-VC chưa thật sự nghiêm túc. Việc bố trí, sắp xếp lao động chưa tham khảo đề án vị trí việc làm, do đó có đơn vị thiếu nhân sự thực hiện công tác trong khi một số đơn vị dư thừa.

4. Kế hoạch hành động

Trường xây dựng kế hoạch và biện pháp nhằm kiểm tra, đôn đốc CB-GVNV thực hiện tốt hơn nữa các nghĩa vụ theo quy định. Tuyên truyền, nâng cao ý thức của CB-VC hơn

nữa. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 5. Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định, trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

1. Mô tả

Năm học 2014-2015 Trường có 196 GV chuyên trách và 21 GV kiêm chức [H5.5.3.1] trực tiếp giảng dạy cho 105 lớp [H5.5.3.2] của 7 chương trình chuyên ngành với tổng khối lượng thực hiện bằng 43.575 tiết/năm [H5.5.3.3], quy đổi đạt 139.440 giờ/năm. Ngoài ra, các GV đã thực hiện công tác NCKH và hướng dẫn sinh viên tham gia NCKH. Trong 5 năm qua, toàn trường đã thực hiện 120.560 giờ NCKH, bình quân đạt 30.140 giờ/năm [H5.5.3.4]. Như vậy so với quy định mỗi GV phải thực hiện 900 giờ giảng dạy và 500 giờ NCKH mỗi năm thì số lượng GV đủ để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH. Căn cứ các bảng thống kê khối lượng giảng dạy và NCKH của các khoa [H5.5.3.5] thì chưa có khoa nào thiếu GV để thực hiện khối lượng công tác. Tính đến thời điểm tháng 10 năm 2015, quy mô đào tạo hệ chính quy toàn trường là 5295 HSSV, tỷ lệ HSSV/GV cơ hữu: 24.4 (5295SV/217GV). Mặc dù chưa đạt tỷ lệ quy định theo chiến lược phát triển giáo dục của chính phủ [H5.5.3.6] nhưng so với các năm trước thì Trường đã giảm tỷ lệ xuống gần với quy định và so với các trường khác thì tỷ lệ này là lý tưởng. Xét riêng theo từng khoa thì khoa CN Động lực có tỷ lệ SV/GV cao nhất (bằng 1309/19), khoa Kinh tế có tỷ lệ SV/GV thấp nhất (bằng 62/12) (mới thành lập năm 2015) [H5.5.3.7]. Theo Kế hoạch chiến lược phát triển của trường đến năm 2020 thì quy mô đào tạo năm 2018 tăng lên đến 8.000 HSSV [H5.5.3.8], do đó số lượng GV cơ hữu hiện tại của trường sẽ không đủ để đáp ứng. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường đã và đang thực hiện các kế hoạch ngắn hạn – dài hạn để tuyển dụng giảng viên cơ hữu với ưu tiên tiếp nhận GV có trình độ cao [H5.5.3.9]; mời nhiều GV thỉnh giảng tham gia giảng dạy [H5.5.3.10]. Tuy nhiên, việc tuyển dụng GV chuyên ngành kỹ thuật còn nhiều khó khăn, vì các GV có trình độ nghề nghiệp chuyên sâu thường rất dễ tìm công việc có thu nhập cao tại các công ty sản xuất kinh doanh ngoài lĩnh vực giáo dục – đào tạo.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ đội ngũ GV để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH. GV tích cực tham gia các lớp tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Số lượng GV đăng ký thực hiện NCKH ngày càng tăng. Trường đã đạt mục tiêu giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên < 25.

3. Tồn tại

Đội ngũ GV cơ hữu tại một số khoa còn thiếu về số lượng và chất lượng, cần bổ sung hằng năm để đáp ứng yêu cầu tăng quy mô và chất lượng đào tạo. Chế độ chính sách của ngành giáo dục còn thấp nên việc tuyển dụng GV cho các khoa nghề còn gặp nhiều khó khăn. Công tác thống kê hằng năm tỉ lệ trung bình sinh viên/giảng viên chưa thực hiện thường xuyên. Việc phân công chuyên môn của vài khoa chưa đồng đều nên một số GV còn thiếu giờ chuẩn giảng dạy và NCKH trong khi có một số GV lại dạy vượt giờ chuẩn quá nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, phòng TC-HC-TH rà soát và bố trí lại lực lượng giảng viên về cho đúng chuyên ngành đào tạo. Từ đó, căn cứ kế hoạch phát triển, xây dựng kế hoạch tuyển dụng GV có trình độ chuyên môn sau đại học để nâng cao chất lượng đội ngũ theo từng năm. Thực hiện quy hoạch đội ngũ GV hợp lý theo từng ngành, khoa để tránh tình trạng có khoa thiếu có khoa thừa.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 7. Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

1. Mô tả

Không có

2. Điểm mạnh

3. Tồn tại

4. Kế hoạch hành động

5. Tự đánh giá:

Tiêu chuẩn 8. Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

1. *Mô tả*
Không có
2. *Điểm mạnh*
3. *Tồn tại*
4. *Kế hoạch hành động*
5. *Tự đánh giá:*

Tiêu chuẩn 9. Nhà giáo bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

1. *Mô tả*
Không có
2. *Điểm mạnh*
3. *Tồn tại*
4. *Kế hoạch hành động*
5. *Tự đánh giá:*

Tiêu chuẩn 10. Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

1. *Mô tả*

Dựa vào quy định thực hiện dự giờ, kiểm tra toàn diện, tổ chức thao giảng cấp khoa và hội giảng cấp trường [H5.5.7.1], khoa tổ chức cho GV đăng ký tiết thao giảng và phân công GV khác dự giờ đánh giá các tiết giảng đã đăng ký. Sau tiết dự, khoa tổ chức đóng góp để rút kinh nghiệm chung cho tất cả GV. Các đánh giá dự giờ từng học kỳ đều được khoa tổng kết và báo cáo về cho trường [H5.5.7.2]. Cuối học kỳ, khoa tổ chức kiểm tra toàn diện hồ sơ chuyên môn của GV và thực hiện đánh giá chấm điểm theo phiếu kiểm tra chuyên môn. Đây là một tiêu chí được báo cáo trong tổng kết năm học [H5.5.7.3]. Căn cứ trên kết quả tổ chức thao giảng và kiểm tra chuyên môn, Khoa chọn GV có tiết giảng tốt để bồi dưỡng và cử tham gia hội giảng cấp trường để chọn tham gia hội giảng cấp thành phố, toàn quốc. Trong 5 năm qua, Trường đã tổ chức 2 lần hội giảng cấp trường và cử GV tham gia hội giảng cấp thành phố đạt được các giải cao, được Sở GD&ĐT chọn vào đội tuyển hội giảng cấp toàn quốc. Kết quả trong 5 năm Trường đạt 6 GV giỏi cấp thành phố, 3 GV giỏi cấp toàn quốc, đã bổ sung vào số lượng 22 GV giỏi

cấp thành phố và toàn quốc của trường [H5.5.7.4]. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy của GV được Trường rất quan tâm, nhất là từ năm 2013 Trường bắt đầu tiến hành chuyển sang đào tạo theo tín chỉ. Để có thể tổ chức quá trình đào tạo tốt, từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2013 Trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy cho toàn thể GV [H5.5.7.5]. Qua việc bồi dưỡng đó, đã giúp cho GV vượt qua được khó khăn ban đầu khi chuyển từ đào tạo theo niên chế sang tín chỉ [H5.5.7.6]. Trong quá trình thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, giảng viên đã tìm tòi các biện pháp thực hiện tốt hơn cho từng tiết giảng, từng chương, học phần. Tất cả các biện pháp đó đều được tổng kết thông qua các báo cáo sáng kiến kinh nghiệm trình cho Hội đồng KH&ĐT duyệt [H5.5.7.7] cũng như tổ chức các hội thảo chuyên đề cấp khoa, cấp trường [H5.5.7.9]. Kết quả học tập của người học là một chỉ tiêu đánh giá chất lượng giảng dạy của GV. Để tăng tính khách quan, Trường khuyến khích hình thức thi trắc nghiệm khách quan. Trường đã xây dựng các chính sách, chế độ cho GV như các sáng kiến kinh nghiệm được hội đồng KH&ĐT đánh giá tốt, các báo cáo trong các hội thảo chuyên đề được quy ra tiết và cộng vào khối lượng thực hiện trong năm học [H5.5.7.8]. Bên cạnh đó, Trường còn cấp kinh phí để GV tham gia các khóa bồi dưỡng khác về đổi mới phương pháp [H5.5.7.10]. Các GV được cử đi tham dự các khóa bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy đều tham dự đầy đủ [H5.5.7.11]. Đồng thời, Trường cũng tạo điều kiện cho GV về phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin như trang bị máy chiếu, tivi tại các phòng học [H5.5.7.12]. Từ khoá tuyển sinh cao đẳng năm 2013, Trường thực hiện đào tạo theo tín chỉ [H5.5.7.6] để hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu, làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn nhiều hơn. Theo thống kê, việc đánh giá kết quả học tập của HSSV theo hình thức làm tiểu luận, đồ án, bài tập lớn chiếm 5% trên tổng số môn học, tỷ lệ này có tăng so với các năm trước đây. Sau thời gian tổ chức đào tạo theo tín chỉ, Trường thực hiện hội thảo sơ kết, đánh giá về thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học theo tín chỉ cấp khoa vào tháng 2 năm 2015, cấp trường vào tháng 6 năm 2015 [H5.5.7.13]. Đến đầu tháng 4 năm 2015, Trường đã ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV [H5.5.7.14] với bộ biểu mẫu khảo sát, đánh giá từ phía người học lẫn người giảng dạy [H5.5.7.15] tập trung vào hiệu quả của việc cải tiến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập [H5.5.7.16].

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy trình và tổ chức thường xuyên từng học kỳ việc đánh giá các hoạt

động giảng dạy của GV. Trường đã tổ chức bồi dưỡng cho toàn thể GV về phương pháp giảng dạy để từng bước phát triển phương pháp người học tự học, tự nghiên cứu.

3. Tồn tại

Phiếu đánh giá giờ giảng có một số tiêu chí còn chung chung, chưa lượng hóa, định tính các tiêu chí. Vẫn còn một số GV lúng túng khi giảng dạy theo học chế tín chỉ dẫn đến kết quả học tập của người học còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Xây dựng lại phiếu dự giờ lượng hóa các tiêu chí định tính. Tăng cường việc trao đổi kinh nghiệm trong khoa, phổ biến toàn bộ sáng kiến kinh nghiệm về đổi mới phương pháp giảng dạy của GV cho toàn trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 11. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

1. Mô tả

Ban Giám hiệu Trường gồm có một Hiệu trưởng và ba Phó Hiệu trưởng trong đó có hai tiến sĩ và hai thạc sĩ đáp ứng các tiêu chuẩn trong Điều lệ trường cao đẳng [H2.2.2.1]. Hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật của trường; chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của trường theo các quy định của pháp luật, Điều lệ trường cao đẳng, các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, quy chế tổ chức và hoạt động của trường đã được Giám đốc Sở GD&ĐT phê duyệt [H2.2.2.2]. Hiệu trưởng có trình độ chuyên môn học vị tiến sĩ, đã được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú; có thâm niên giảng dạy gần 30 năm; có uy tín và đạo đức tốt.

Ba Phó Hiệu trưởng do Giám đốc Sở GD&ĐT bổ nhiệm theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng [H2.2.2.3]. Các Phó Hiệu trưởng là những giảng viên có cơ cấu tuổi đời hợp lý, kinh nghiệm và chuyên môn cao, đảm bảo tính kế thừa, đã từng thực hiện nhiều chức vụ quan trọng, có nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ban Giám hiệu Trường đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Nhà nước. Trong 5 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Ban Giám hiệu, Trường đã đạt được danh hiệu trường tiên tiến trong các năm 2012 – 2013, 2013 – 2014 và trường tiên tiến xuất sắc các năm 2010 – 2011, 2011 – 2012 [H2.2.2.4]. Riêng cá nhân Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đạt được nhiều thành tích như chiến sĩ thi đua các

cấp, nhiều bằng khen cấp Thủ tướng, cấp Bộ, cấp thành phố, đạt danh hiệu Lao động tiên tiến nhiều năm liên tục [H2.2.2.5].

2. Điểm mạnh

Ban Giám hiệu là những giảng viên có trình độ, có năng lực, tận tâm, tận lực với công việc, có kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở phân công của Ban Giám hiệu, các Phó Hiệu trưởng phát huy được vai trò và bám sát được mảng công việc phụ trách, vì vậy các hoạt động chung của trường được thực hiện kịp thời và đồng bộ.

3. Tồn tại

Trong 5 năm qua Trường đã thay đổi 3 Hiệu trưởng (2 Hiệu trưởng đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ), nên công tác quản lý, cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trường có một số thay đổi khi đổi Hiệu trưởng mới. Quyền hạn của Hiệu trưởng trường cao đẳng dưới sự quản lý của Sở GD&ĐT thành phố Hồ Chí Minh có nhiều hạn chế so với điều lệ. Trường chưa có kế hoạch tổ chức lấy phiếu thăm dò ý kiến từ HSSV và CBVC, người lao động về việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, hằng năm xây dựng và rà soát kế hoạch đào tạo nguồn cán bộ kế cận Ban Giám hiệu. Ban Giám hiệu phân công, phân nhiệm từng cá nhân phù hợp với năng lực sở trường và yêu cầu phát triển của trường, tăng tính chủ động, sáng tạo và phát huy hiệu quả công việc cao hơn. Từ năm 2017, tổ chức lấy phiếu thăm dò ý kiến từ HSSV và CB-VC, người lao động về việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban Giám hiệu.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 12. Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

1. Mô tả

2. Điểm mạnh

3. Tồn tại

4. Kế hoạch hành động

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 13. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Căn cứ vào Điều lệ, dựa vào cơ cấu tổ chức [tiêu chí 2.1] và các quyết định thành lập phòng, khoa, tổ [tiêu chí 2.4], Trường đã tiến hành bổ nhiệm CBQL đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế. Hiện nay Trường có 85 CBQL từ cấp tổ trở lên, trong đó có 4 trình độ tiến sỹ, 55 trình độ thạc sỹ, 22 trình độ đại học và 4 trình độ thấp hơn đại học [H2.2.9.1].

Việc quy hoạch và bổ nhiệm CBQL được tiến hành thường xuyên qua sự rà soát, lựa chọn, giới thiệu đúng nguyên tắc và dân chủ, được đa số quần chúng bỏ phiếu tín nhiệm trên cơ sở năng lực chuyên môn và kết quả công tác [H2.2.9.2]. Chính nhờ vào việc thực hiện quy trình bổ nhiệm chặt chẽ mà trường, phó các khoa, phòng, trung tâm và trưởng tổ bộ môn đều có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, có tâm huyết với giáo dục, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm trách và được sự tín nhiệm cao của quần chúng [H2.2.9.3]. Trường đã chú trọng nâng cao trình độ cho CBQL bằng cách tạo điều kiện thuận lợi để các CBQL tham gia các lớp tập huấn, học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ năng lực nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị và năng lực quản lý [H2.2.9.4], đồng thời cử cán bộ đi công tác, học tập nước ngoài nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho công tác quản lý đào tạo [H2.2.9.5]. Qua tổ chức đánh giá xếp loại viên chức hằng năm, đội ngũ CBQL luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ và được công nhận đạt lao động tiên tiến trở lên [H2.2.9.6]. Đa số CBQL là những Đảng viên gương mẫu, đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2.2.9.7]. Với sự nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu chung, đội ngũ CBQL đã tổ chức điều hành Trường, phòng, khoa, trung tâm, tổ theo chức năng, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao, vì vậy nhiều tập thể và cá nhân được tặng thưởng bằng khen cấp Thủ tướng, cấp Bộ, cấp thành phố, đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, huân chương lao động [H2.2.9.8]. Tuy nhiên, trình độ ngoại ngữ, tin học của đội ngũ CB-VC quản lý chưa được nâng cao. Ngoài ra, do lịch sử để lại nên một số trưởng, phó khoa và tổ trưởng bộ môn chưa đạt tiêu chuẩn trình độ chuyên môn theo quy định.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm

cao đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm trách. Hằng năm thực hiện tốt công tác đánh giá mức độ hoàn thành công tác của CB-VC.

3. Tồn tại

Còn một số trưởng, phó khoa, trưởng tổ bộ môn thuộc khoa chưa đủ chuẩn chức danh theo quy định của Điều lệ (Thạc sỹ chuyên ngành). Năng lực quản lý, tham mưu của một số cán bộ điều hành phòng, khoa, tổ còn hạn chế, hiệu quả chưa cao, nhất là cán bộ trẻ, do chưa được đào tạo về nghiệp vụ quản lý, chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức điều hành. Chưa có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên trình độ ngoại ngữ, tin học theo nhiều cấp độ cho đội ngũ CB-VC để nhằm nâng cao năng lực trong công tác quản lý điều hành.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, tăng cường công tác bồi dưỡng về lý luận chính trị và nghiệp vụ quản lý cho lãnh đạo các đơn vị và cán bộ trong quy hoạch. Tổ chức đánh giá chuyên đề về công tác quản lý. Các trưởng bộ môn thuộc khoa chưa đạt chuẩn đi học cao học để đến năm học 2017–2018 đạt chuẩn theo quy định. Thay thế các trưởng, phó khoa, tổ chưa đạt chuẩn bằng các cán bộ có trình độ thạc sỹ chuyên ngành trở lên. Từ năm 2016 trở đi, phòng TC-HC-TH xây dựng kế hoạch hằng năm bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ, tin học cho CBQL nhằm nâng cao năng lực trong công tác điều hành để đạt chỉ tiêu đến năm 2020 có 80% cán bộ có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ, sử dụng thành thạo 1 ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc với khách quốc tế, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 14. Hằng năm, trường có kế hoạch triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

1. Mô tả

2. Điểm mạnh

3. Tồn tại

4. Kế hoạch hành động

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 15. Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng

lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.

1. Mô tả

Một lực lượng đóng góp thâm lạng vào thành công của quá trình tổ chức đào tạo là đội ngũ phục vụ, bao gồm các KTV-NV đang làm việc tại các phòng, khoa, trung tâm. Hiện nay, Trường đang tuyển dụng 129 KTV-NV có tuổi đời trẻ, năng động, có chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực, tinh thần trách nhiệm, đa số có trình độ ngoại ngữ B, sử dụng thành thạo các phần mềm máy tính [H5.5.6.1], phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH, đáp ứng được yêu cầu. Trường đã quy định các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các phòng, trung tâm [H5.5.6.2] và tổ chức xây dựng vị trí việc làm tại từng đơn vị [H5.5.6.3] để xác định số lượng đội ngũ KTV-NV, trên cơ sở đó để tuyển dụng đúng theo các tiêu chuẩn của ngạch và phù hợp với vị trí tuyển dụng [H5.5.6.4]. Trường đào tạo trong khối ngành kỹ thuật nên trang thiết bị, máy móc rất nhiều và có giá trị lớn. Để đảm bảo các trang thiết bị, máy móc hoạt động liên tục, Trường thành lập tổ Cơ điện [H5.5.6.6] thực hiện nhiệm vụ bảo trì, sửa chữa dựa trên yêu cầu của các đơn vị theo quy trình sửa chữa [H5.5.6.7] đã ban hành, nhờ đó mà trang thiết bị, máy móc nhanh chóng hoạt động trở lại để phục vụ cho hoạt động đào tạo. Năm 2011 Trung tâm BT&SCTBNV được thành lập [H5.5.6.08] để phối hợp với các đơn vị lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các thiết bị tin học và ngoại vi; kết nối mạng internet trong toàn trường [H5.5.6.09]; đầu mối giúp các đơn vị sử dụng phần mềm quản lý Hành chính điện tử có hiệu quả và tốt nhất. Từ ngày thành lập đến nay Trung tâm đã phục vụ đắc lực cho công tác quản lý, giảng dạy, học tập và NCKH. Trường đã xây dựng website của trường và giao cho Trung tâm TT-TV quản lý [H5.5.6.10]. CB-NV của trung tâm có trình độ và năng lực chuyên môn sẵn sàng tiếp nhận, biên tập và cung cấp tin về các hoạt động giáo dục, đào tạo, học tập, quản lý, hoạt động của đoàn thể, thông tin xã hội tạo điều kiện cho CB-GV-NV, HSSV tiếp nhận các thông tin. Trường hỗ trợ hoàn toàn về mặt tài chính và tạo điều kiện về thời gian để các KTV-NV tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H5.5.6.05]. Trong quá trình thực hiện công tác, đội ngũ KTV-NV không ngừng tìm tòi, sáng tạo, đề xuất nhiều sáng kiến cải tiến công tác. Trong 5 năm qua, đội ngũ này đã đóng góp 474 sáng kiến kinh nghiệm được Hội đồng KH&ĐT đánh giá cao. Sự nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của đội ngũ KTV-NV đã được Hội đồng thi đua ghi nhận. Trong 5 năm qua đội ngũ này có 382 người đạt danh

hiệu chiến sỹ thi đua các cấp, 169 người được nhận bằng khen của UBND thành phố.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ đội ngũ kỹ thuật viên được đào tạo đúng chuyên môn nghiệp vụ để hỗ trợ cho CBQL-GV và HSSV sử dụng các trang thiết bị, phục vụ đào tạo, học tập và NCKH. Đội ngũ KTV-NV được trẻ hoá, năng động và sáng tạo trong công tác.

3. Tồn tại

Số lượng nhân viên kỹ thuật còn thiếu, trong điều kiện trang thiết bị, phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập ngày càng nhiều lên. Việc tổ chức các buổi bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn cho đội ngũ KTV-NV chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục sắp xếp, tuyển dụng đội ngũ kỹ thuật viên nhằm đảm bảo về số lượng và chất lượng phục vụ tốt cho các hoạt động trong trường, tạo điều kiện cho các nhân viên kỹ thuật đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Hằng năm tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn phát triển trình độ đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí: 5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM có hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học tương đối đầy đủ; có khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính – quản trị, trang bị các phương tiện học tập, làm việc phục vụ tốt cho việc dạy học, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

a) Mô tả

Ngay từ khi thành lập Trường, Lãnh đạo nhà Trường đã chỉ đạo xây dựng cơ sở ổn định đào tạo lâu dài trong nội thành tại địa chỉ số 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, Quận Tân

Bình TPHCM phù hợp với quy hoạch các điểm dân cư và mạng lưới trường dạy nghề trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Địa điểm này rất thuận tiện cho việc đi lại, học tập, giảng dạy của người học, giáo viên, cán bộ quản lý và các hoạt động khác của trường, có chỉ dẫn hệ thống giao thông đến trường (xe bus, đường, phố ...) [H5.5.01.01]

Trường có môi trường giáo dục tốt, xung quanh có khá nhiều trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường cao đẳng đại học. Trong khu vực có Khu công nghiệp Tân Bình. Tuy nhiên, khoảng cách giữa trường và Khu công nghiệp này vẫn được đảm bảo, không bị ảnh hưởng bởi khí thải độc hại.[H5.5.01.02]. Đặc biệt trường tọa lạc gần trụ sở công an quận Tân Bình nên vấn đề an ninh rất tốt. [H5.5.01.03]. Điều đó tạo niềm tin và sự yên tâm từ phía phụ huynh và học sinh sinh viên của nhà trường. Với chủ trương đào tạo sinh viên lành nghề sau khi ra trường cùng với môi trường học tập tốt, xanh sạch đẹp, nhà trường đã từng bước hoàn thiện các cơ sở vật chất của trường ngày càng tốt hơn. Chủ trương đúng đắn trên, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, thu hút học sinh sinh viên vào Trường những năm gần đây rất đông.

b) Đánh giá

- *Điểm mạnh:* Địa điểm xây trường là khu nội thành Thành phố Hồ Chí Minh nên rất thuận lợi trong việc giao thông.

- *Những tồn tại:* Mặt tiền của trường nhỏ nên bị lấn vào những nhà dân lân cận, khó nhìn thấy trường.

Quy mô sinh viên của trường hiện tại hơn 10000 sinh viên nên thường gây kẹt xe cho khu vực vào giờ tan học học.

c) Kế hoạch:

Trường đang tiến hành sửa chữa và cho sinh viên đi bằng cổng sau để giảm kẹt xe vào các giờ cao điểm.

d) Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

a) Mô tả

Năm 2011, Trường đã thành lập Ban xây dựng chiến lược phát triển để xây dựng đề án

quy hoạch phát triển tổng thể từ năm 2013 đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 [H5.5.2.1], trong đó có chiến lược phát triển ở cơ sở chính và phân hiệu Củ Chi. Theo đề án, Trường sẽ phấn đấu xây dựng mới đến năm 2020 và những năm tiếp theo đạt diện tích sàn xây dựng mới về nhà xưởng, lớp học tại 2 cơ sở là 142.865,4m². Trong đó: Tại cơ sở 1 số 390 Hoàng Văn Thụ là 45.867,4m². Cụ thể: khối Cơ khí 18.390m², khối Động lực đạt 11.585m²; khối Điện – Điện tử 2.031,4 m²; khối CNTT – Thư viện 3.433m². Khu lớp học lý thuyết 1.134 m²; Nhà thi đấu đa năng 1.296 m²; Ký túc xá 7.998 m².

Tại cơ sở 2 xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi là 96.998m². Cụ thể: khối hành chính-lớp học: 24.830m², khối nhà xưởng thực hành 11.010m²; khối Trung tâm NCKH 9.545m²; khu thể dục thể thao 22.943m²; khối ký túc xá 17.920m²; khối nhà ăn, phục vụ 8.050m²; khối nhà công vụ CB-GV-NV 2.700m².

Năm 2005 Trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể, nhưng do vướng quy hoạch treo (đường cao tốc Đông - Tây trên không) không thể thực hiện.

Nhưng hiện nay quy hoạch tổng thể 1/2000 đã được duyệt và quy hoạch tổng thể chi tiết 1/500 cũng đã được duyệt cùng với bản vẽ quy hoạch tổng thể chi tiết 1/500 [H5.5.2.2] và đang tiến hành hoàn thành thủ tục hồ sơ xây dựng.

Trường được thành lập năm 2005 với cơ sở vật chất lúc ban đầu chuyển từ Trường Trung học Kỹ thuật Lý Tự Trọng [H5.5.2.3] tiền thân là Trường Dạy nghề Trung học Lý Tự Trọng (1986). Đến năm 2007, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2897/QĐ-UBND 02/7/2007 về công nhận quyền sử dụng đất cho Trường tại địa chỉ số 390 đường Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình [H5.5.2.4]. Diện tích đất sử dụng là 5,06 ha, đạt yêu cầu về diện tích tối thiểu theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước. Trong khuôn viên trường có cây bóng mát, cây cảnh, hòn non bộ tạo môi trường xanh, sạch, đẹp.

b) Đánh giá

- *Điểm mạnh*: Trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường.

- *Những tồn tại*: Trường đang gặp khó khăn về tài chính để thực hiện nhanh chóng các kế hoạch nêu trên.

c) Kế hoạch:

Năm 2017 tập trung huy động mọi nguồn lực, nguồn vốn để tập trung đầu tư xây dựng

theo quy hoạch tổng thể, để đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả.

d) Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị và phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

1. Mô tả

Trường có một hội trường nhỏ (B) diện tích 128 m² có sức chứa 100 người được trang bị các thiết bị cơ bản đảm bảo việc tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, phát động các phong trào của trường, đoàn thể và một hội trường lớn (A) diện tích 720 m² có sức chứa 500 người [H5.5.3.1] có sân khấu được trang bị hệ thống âm thanh cố định tại chỗ [H5.5.3.2] phục vụ cho các hoạt động hội diễn văn nghệ, hội thi theo chuyên đề cho CB-VC và HSSV, ... Ngoài ra, Trường còn trang bị hai hệ thống âm thanh di động để phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật ngoài trời tại sân khu C, sân khu H hoặc sân bóng đá [H5.5.3.3].

Một lợi thế của trường trong hoạt động thể dục thể thao là trường có diện tích mặt bằng lớn và có một sân bóng đá rộng 8000 m² trong khuôn viên trường [H5.5.3.4]. Hằng năm, Trường đều tổ chức hội thao tại sân này cho CB-VC và HSSV của trường nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước và dân tộc, qua đó tạo ra sân chơi lành mạnh, thắt chặt tinh thần đoàn kết, giao lưu giữa các đơn vị và cá nhân trong trường [H5.5.3.5]. Sân bóng đá này cũng là nơi thường xuyên tổ chức hội thao truyền thống khối CĐ-TCCN [H5.5.3.6]. Ngoài sân bóng đá, Trường còn có 1 sân thể thao với diện tích 700 m² [H5.5.3.7], trang bị cố định các trụ bóng rổ, trụ bóng chuyền [H5.5.3.8]. Hiện tại toàn trường có 2 sân bóng chuyền, 3 sân cầu lông, 1 sân nhảy xa và 1 phòng bóng bàn phục vụ cho nhu cầu rèn luyện sức khỏe của CB-VC và HSSV. Các sân hoạt động liên tục, đáp ứng yêu cầu các hoạt động thể dục thể thao của trường. Các sân bãi này đã đáp ứng cho việc tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động hội thao bóng đá mini, bóng rổ, bóng chuyền, điền kinh, nhảy xa, cầu lông và các môn học giáo dục quốc phòng. Các môn học giáo dục thể chất được trang bị dụng cụ, thiết bị đảm bảo yêu cầu môn học [H5.5.3.9].

2. Điểm mạnh:

Sân thể thao có diện tích rộng, đủ để bố trí các môn học giáo dục thể chất theo chương trình đào tạo và hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao ngoài trời.

Hội trường có diện tích rộng, bố trí khu vực thuận tiện, hợp lý đủ điều kiện tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, hội thi trong khuôn khổ Trường.

3. Những tồn tại:

Sân thể thao còn một số điểm chưa đảm bảo yêu cầu: mặt bằng sân gồ ghề; sân cầu lông thiếu các phương tiện chắn gió, mái che, thiếu hệ thống chiếu sáng cho sinh hoạt ngoại khóa, chưa xây dựng hồ bơi, nhà thi đấu đa năng.

Trang thiết bị đầu tư cho hội trường chỉ đảm bảo nhu cầu tối thiểu hoạt động trong khuôn khổ Trường, còn thiếu nhiều thiết bị cần thiết; hệ thống âm thanh, đèn chiếu, máy lạnh chưa hiện đại, chưa đủ điều kiện để tổ chức trên qui mô lớn mang tính giao lưu với các trường trong khu vực.

4. Kế hoạch hành động:

Triển khai thực hiện theo lộ trình các chỉ tiêu phát triển cơ sở vật chất đã được xây dựng trong chiến lược phát triển trường từ 2015 đến 2020 và những năm tiếp theo, cụ thể: năm 2018 xây mới hội trường và trang bị tài sản, thiết bị hiện đại phù hợp với qui mô hoạt động của trường như đã thể hiện trong bản vẽ qui hoạch tổng thể chung của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

a) Mô tả

Trường có khuôn viên rộng nên có thiết kế đường giao thông nội bộ thuận tiện cho việc đi lại, trường còn phân bố nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sinh viên đảm bảo thuận lợi, an toàn. Ngoài ra trường còn có khu cho thuê để xe của các doanh nghiệp nhằm tăng thêm thu nhập cho công đoàn viên của nhà trường [H5.5.4.01]

Trường có khu vệ sinh riêng biệt nam – nữ phục vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên ; học sinh, ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường học.[H5.5.04.02]

Nguồn nước sạch, hệ thống lọc nước hiện đại cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên; hệ thống thoát nước và thu gom rác đảm bảo yêu cầu. [H5.5.04.03]

Trường đã thành lập Ban chỉ huy và lực lượng Phòng cháy chữa cháy (PCCC), ban hành nội quy PCCC. Trường kết hợp chặt chẽ với Cảnh sát PCCC quận Tân Bình và thành phố tổ chức tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng chuyên trách của trường [H5.5.04.04]. Trường đã trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại chỗ như: bình khí CO₂, bình bột chữa cháy [H5.5.04.05], thang sắt [H5.5.04.06].

2, Điểm mạnh:

Có nhà vệ sinh, nhà để xe riêng biệt cho giáo viên, học sinh ở các vị trí thuận lợi. Hệ thống cấp thoát nước đầy đủ, đạt yêu cầu.

Thùng rác lưu động thuận tiện cho việc thu gom, xử lý rác thải trong nhà trường.

3, Điểm yếu:

Khu nhà xe còn nhếch nhác làm mất vẻ mỹ quan của nhà trường

4, Kế hoạch hành động:

Tiếp tục thực hiện thường xuyên kiểm tra, thay mới hệ thống nước lọc đảm bảo nguồn nước hợp vệ sinh đáp ứng yêu cầu sử dụng của giáo viên, học sinh.

Tiến hành xây dựng lại nhà xe và thường xuyên tập huấn công tác PCCC trong nhà trường

5, Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

1. Mô tả

Khu vực lý thuyết chia ra thành 79 phòng học đã đáp ứng đủ cho việc bố trí trên 100 lớp học lý thuyết sáng và chiều của khối chuyên nghiệp và 20 lớp khối trung học phổ thông. Để phục vụ tốt hơn cho việc dạy và học lý thuyết, Trường đã trang bị cố định các phương tiện hỗ trợ dạy và học. Cho đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 Trường đã trang bị Projector cố định cho 48 phòng và máy truyền hình cố định cho 24 phòng. [H5.5.5.1]. Các phòng có trang bị cố định các phương tiện hỗ trợ dạy và học đã tạo điều kiện cho GV thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy và phát huy tính tích cực tham

gia vào bài giảng của HSSV.

Để tăng tần suất sử dụng các phòng học lý thuyết, phòng Quản trị cơ sở vật chất phối hợp với phòng TS-ĐT-GTVL và các khoa tổ chức quản lý, phân bổ phòng học lý thuyết theo thời khóa biểu để tránh tình trạng thiếu lớp học hoặc trùng giờ [H5.5.5.2]. Các phòng học được tổ môi trường phòng QT-DV thực hiện vệ sinh sạch sẽ hàng ngày đảm bảo cho việc dạy học.

Khu vực thực hành chia ra thành 79 phòng (xưởng), 8 phòng thí nghiệm. Các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm được bố trí và đầu tư máy móc thiết bị, mô hình, dụng cụ phục vụ giảng dạy theo yêu cầu dạy và học thực hành, thí nghiệm của từng ngành nghề đào tạo. Tuy nhiên cũng còn một số xưởng (phòng) thực hành, phòng thí nghiệm chưa đạt yêu cầu về diện tích, cụ thể: không thể bố trí máy móc thiết bị đủ cho HSSV của một lớp thực tập cùng một ca, diện tích thiết kế chưa phù hợp với công năng sử dụng...

2. Điểm mạnh:

Mặt bằng rộng lớn nên đủ bố trí cho khu học lý thuyết và thực hành riêng biệt.

Thực hiện tốt công tác quản lý cơ sở vật chất, công tác quản lý trang thiết bị và công tác bảo trì, bảo dưỡng.

Mô hình, trang thiết bị dạy học được bổ sung bằng nhiều nguồn khác nhau.

3. Những tồn tại:

Các phòng học được thiết kế, xây dựng từ năm 1960 nên không phù hợp với quy mô đào tạo hiện nay, độ thông thoáng ở một số xưởng thực hành không đảm bảo theo quy định; một số xưởng có diện tích nhỏ hẹp không thể bố trí đủ máy móc thiết bị thực tập cho 1 lớp/1 ca do đó phải chia nhóm.

Một số phòng thí nghiệm, xưởng thực hành còn bố trí dàn trải, chưa khoa học; do tận dụng các phòng học, xưởng thực hành cải tạo lại, việc sửa chữa (mang tính giải quyết tình thế, chắp vá) chưa tuân thủ theo quy hoạch tổng thể.

Máy móc thiết bị do trang bị làm nhiều đợt nhỏ, lẻ, dàn trải đều cho các khoa nên còn thiếu nhiều về số lượng, thiếu tính hiện đại và đồng bộ, nguyên nhân hạn chế do kinh phí được cấp còn khó khăn.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2017 trang bị cho ngành mũi nhọn Cơ khí và năm 2018 trang bị cho ngành Động lực, đầu tư thêm 01 phòng học ngoại ngữ.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên và HSSV gắn với việc

chế tạo mô hình, thiết bị dạy học, bổ sung ít nhất 2 mô hình, thiết bị dạy học/1 khoa /1 năm.

Tiến hành lập hồ sơ xin sửa chữa, xây dựng mới theo quy hoạch mô hình tổng thể chung của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo

1. Mô tả

Trường đã có những biện pháp hữu hiệu nhằm quản lý, sử dụng, bảo dưỡng trang thiết bị dạy học và cơ sở vật chất được quản lý chặt chẽ theo quy trình khép kín từ khi bắt đầu trang bị sử dụng đến khi thực hiện thanh lý tài sản [H5.5.6.1], quy định sử dụng máy móc thiết bị phục vụ công tác giảng dạy-học tập theo từng nhóm thiết bị máy móc [H5.5.6.2], thông tin lý lịch tài sản được cập nhật đầy đủ bằng phần mềm quản lý độc lập. Dựa trên các quy trình, các đơn vị có nhu cầu đều được bổ sung để tăng số lượng máy móc, vật tư thực tập đủ cho thực hành và thay thế máy móc thiết bị đến hạn thanh lý.

Ngoài ra, để bảo đảm máy móc, trang thiết bị dạy học hoạt động thường xuyên và tăng thời gian sử dụng, phòng QT-DV lập Tổ sửa chữa bảo trì thiết bị phối hợp với các đơn vị thực hiện hiệu quả công tác bảo trì, bảo dưỡng, theo qui trình chặt chẽ.

2. Điểm mạnh:

Trường đã thành lập phòng thiết bị vật tư và đội sửa chữa bảo trì thiết bị trong nhà trường nhằm bảo dưỡng bảo trì thiết bị đào tạo tốt hơn

3. Những tồn tại:

Do các thành viên của Đội đội sửa chữa bảo trì thiết bị đều kiêm nhiệm, bận công tác chuyên môn nên việc sửa chữa hay thay thế thiết bị còn tốn nhiều thời gian

4. Kế hoạch hành động:

Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

1. Mô tả

Cơ sở chính của trường có tổng diện tích đất 50.646,6 m² [H5.5.7.1] nên Trường có điều kiện bố trí các khu vực tổ chức đào tạo tập trung cho lý thuyết và thực hành riêng biệt trên diện tích 26.623 m² sàn xây dựng.

Khu vực lý thuyết có diện tích 5489 m² được chia ra thành 79 phòng học đã đáp ứng đủ cho việc bố trí trên 100 lớp học lý thuyết sáng và chiều của khối chuyên nghiệp và 20 lớp khối trung học phổ thông. Trong đó 8 phòng có diện tích lớn có sức chứa > 80 HSSV, 11 phòng có sức chứa từ 50 đến 80 HSSV và 19 phòng có sức chứa < 50 HSSV. Hiện tại tần suất sử dụng bình quân của các phòng học lý thuyết đạt rất cao gần 100%. Tuy nhiên, Thiết bị projector chưa trang bị hết cho các phòng học lý thuyết ở khu H, thiết bị âm thanh chưa được hoàn thiện. [H5.5.7.2]

Khu vực thực hành, thí nghiệm có diện tích sàn xây dựng bằng 8640,4 m² chia ra thành 79 phòng (xưởng), 8 phòng thí nghiệm. Các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm được bố trí và đầu tư máy móc thiết bị, mô hình, dụng cụ phục vụ giảng dạy theo yêu cầu dạy và học thực hành, thí nghiệm của từng ngành nghề đào tạo.

2. Điểm mạnh:

Mặt bằng rộng lớn nên đủ bố trí cho khu học lý thuyết và thực hành riêng biệt.

Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành

3. Những tồn tại:

Năm 2017, quy mô sinh viên của trường là hơn 10000 sinh viên nên một số phòng học nhỏ phòng có sức chứa < 50 HSSV không thể học và dạy tốt được. Một số xưởng có diện tích nhỏ hẹp không thể bố trí đủ máy móc thiết bị thực tập cho 1 lớp/1 ca do đó phải chia nhóm.

Các phòng học được xây dựng từ những năm 1960, thường bị ngập vào mùa mưa.

Còn một số phòng học lý thuyết chưa trang bị hết các thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2017 tiến hành lập hồ sơ xin sửa chữa, xây dựng mới theo quy hoạch mô hình tổng thể chung của trường.

5. Tự đánh giá: Chưa Đạt

Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

1. Mô tả

Trong những năm qua Trường đã có chính sách đầu tư thích hợp cho các điều kiện học tập, nghiên cứu của HSSV, CB-GV-NV. Cơ sở vật chất của trường đủ đáp ứng nhu cầu đào tạo. Trường có đủ phòng học, trang bị đầy đủ thiết bị chuyên dùng như máy vi tính, máy chiếu,... Phòng học đảm bảo đủ diện tích cho số lượng HSSV mỗi lớp học; xưởng thí nghiệm, thực hành có đầy đủ trang thiết bị cho thực tập; các phòng máy tính đủ cho học tập các học phần tin học cơ bản và chuyên ngành; có mạng không dây hỗ trợ HSSV học tập; Số máy vi tính của trường đủ để phục vụ, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và NCKH. Đa số các máy vi tính đều được nối mạng nội bộ và Internet, có cấu hình mạnh và tốc độ cao, đảm bảo hoạt động tốt, có hiệu quả. Tổng số máy tính Trường hiện có: 1.430; trong đó phục vụ dạy và học 1.333, chiếm 93%, được phân bổ như sau: Khoa Công nghệ Thông tin: 738; Khoa Công nghệ May thời trang: 45; Khoa Công nghệ Cơ khí: 163; Khoa Công nghệ Điện-Điện tử: 178; Khoa Công nghệ Động lực: 17; Trường Trung học phổ thông: 112; Trung tâm TT-TV: 29; Phòng QT-DV: 51 [H5.5.8.1].

Căn cứ số máy tính hiện có tại các khoa và số lượng HSSV đang học [H5.5.8.2], qui định số lượng HSSV/nhóm thực tập [H5.5.8.3], thì số lượng máy tính dùng cho học tập đáp ứng đủ nhu cầu thực hành 1 HSSV/1 máy. Các phòng máy tính được cài đặt phần mềm học chuyên ngành, được nối mạng để người học cùng quản lý, chia sẻ, trao đổi dữ liệu trong học tập. Hằng năm có kế hoạch bổ sung và thay thế máy vi tính đến hạn thanh lý [H5.5.8.4].

Trong khuôn viên trường đã lắp đặt 01 hệ thống Internet 5 line, tốc độ 1 line 32MB, 01 hệ thống 5 trạm mạng không dây [H5.5.8.5], 01 Website, hoạt động ổn định.

2. Điểm mạnh

Các phòng máy tính được trang bị đồng bộ, nối mạng đầy đủ; hoạt động ổn định; kết nối được internet và gắn cố định máy chiếu đã phục vụ hiệu quả cho việc đổi mới

phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường.

Trường đã đầu tư trang bị hoàn chỉnh hệ thống mạng, tổng đài nội bộ,

3. Tồn tại

Cơ sở hạ tầng hệ thống mạng: internet, lan, điện thoại trong trường chưa hoàn chỉnh, đồng bộ, còn chắp vá.

Chưa trang bị micro và hệ thống âm thanh cho từng phòng học

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017 tiến hành thiết kế lại website nhằm ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong các hoạt động của trường.

Trang bị thêm một số máy móc thiết bị hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm TT-TV giúp người học có điều kiện tiếp cận nguồn tài liệu phong phú.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Tiêu chuẩn: 10

I. Đánh giá các nội hàm

Nội hàm 1: Có các khu vực bảo quản, lưu giữ

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Quyết định giao khoán vật tư cho các khoa chuyên môn		
2	Quyết định giao nhiệm vụ cho người quản lý kho		

Các thiết bị thực hành, nguyên vật liệu, thiết bị đo kiểm được giao trách nhiệm quản lý cho từng khoa, bộ môn, trung tâm theo Quy chế quản lý quá trình mua, sử dụng, thanh lý thiết bị, dụng cụ, vật .

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 1: Đạt

Nội hàm 2 : Hệ thống khu bảo quản, kho có các điều kiện bảo vệ, bảo quản tốt cho các trang thiết bị, hàng hoá, vật liệu như: mái che, rào ngăn cách, khóa, chiếu sáng, thông gió, chống mốc, ẩm.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Quyết định giao nhiệm vụ cho người quản lý kho		
2	Hình ảnh thực tế các kho lưu trữ		

Trong kho lưu giữ, việc lưu giữ nguyên vật liệu, và các loại dụng cụ thực hành được xếp đặt vào các kệ hay tủ tùy theo tính năng của từng loại. Hệ thống kho của các khoa chuyên môn, phòng chức năng có đầy đủ mái che, tường ngăn, các điều kiện bảo vệ, kiểm tra thường xuyên, chống mối mọt, ẩm mốc. Các trang thiết bị thực hành, vật tư phục vụ thực tập của học sinh, dụng cụ đo kiểm được các Khoa, Bộ môn, quản lý, bố trí sắp xếp thuận tiện trong các kệ, tủ trong kho, xưởng thực hành, việc kiểm tra, bảo dưỡng, quản lý cũng thực hiện đầy đủ theo quy định chung của nhà trường

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 2 : Đạt

Nội hàm 3 : Có quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ để bảo đảm hoạt động bình thường.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Quyết định qui định chức năng nhiệm vụ của các phòng, khoa		
2	Nội qui xưởng thực hành		
3	Các biên bản ghi nhận tình trạng thiết bị		
4	Hợp đồng sửa chữa		
5	Bản thanh lý hợp đồng sửa chữa các khối công trình		
6	Quyết định thành lập hội đồng kiểm kê		
7	Quyết định phân công quản lý các xưởng		

Việc quản lý và sử dụng các công trình như nhà xưởng thực hành, phòng học lý thuyết, hội trường, được sử dụng đúng công năng và được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ để bảo đảm hoạt động bình thường theo sự phân công quản lý của Ban Giám Hiệu .Trong các phòng chức năng và các xưởng thực hành đều có nội quy, quy định việc vận hành và bảo quản các trang thiết bị phục vụ đào tạo.

Phòng quản trị dịch vụ chịu trách nhiệm bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên các trang thiết bị và cơ sở vật chất của nhà trường .

Việc kiểm kê, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản được thực hiện hàng năm theo Quy định của Nhà nước, được tiến hành bởi Hội đồng kiểm kê tài sản.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 3 : Đạt

II. Đánh giá tiêu chuẩn sau khi mô tả 3 nội hàm

a. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ hệ thống kho tại các xưởng thực hành nên đảm bảo đủ các điều kiện bảo vệ, chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc.

b. Điểm yếu

Một số phòng, khoa chuyên môn hệ thống kho còn hạn chế về diện tích, bảo quản chưa thật chuyên nghiệp

c. Kế hoạch hành động (vấn đề cần cải tiến và biện pháp khắc phục điểm yếu)

-Nhà trường tiếp tục trang bị kệ, tủ để hàng, có kế hoạch sắp xếp, bảo quản hàng hoá một cách chuyên nghiệp hơn, trong những năm tiếp theo.

-Có kế hoạch tập huấn nghiệp vụ cho người quản lý kho.

-Tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm tra và đánh giá chất lượng công trình cơ sở vật chất để lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ hàng năm.

III. Kết quả đánh giá

Tên nội hàm	Trường tự đánh giá	
	Đạt	Không đạt
Nội hàm 1	x	
Nội hàm 2	x	
Nội hàm 3	x	

Điểm đánh giá tiêu chuẩn: 2 điểm

Tiêu chuẩn: 11

II. Đánh giá các nội hàm

Nội hàm 1: Các thiết bị có hồ sơ xuất xứ, năm, nước sản xuất rõ ràng; được quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ; bảo đảm tính đồng bộ của các trang thiết bị.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Hồ sơ thiết bị các khoa		
2	Biên bản bàn giao thiết bị cho		

	người quản lý		
3	Sổ nhật trình kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị		
4	Biên bản đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị của phòng KHVT&XDCB		

Tất cả các hồ sơ thiết bị đều có nguồn gốc về xuất xứ, năm, nước sản xuất được quy định rõ trong Quy chế quản lý quá trình mua, sử dụng, thanh lý thiết bị, dụng cụ, vật tư. Sau khi thiết bị, vật tư được mua và bàn giao cho các Khoa, Bộ môn, Trung tâm thực hiện việc bảo trì, quản lý thiết bị. Bên cạnh đó hàng năm việc kiểm kê và đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị đã được phòng Kế hoạch vật tư và xây dựng cơ bản đánh giá.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 1: Đạt

Nội hàm 2 : Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được quản lý và bảo dưỡng vận hành đúng quy trình, bảo đảm hoạt động đúng chức năng, công suất theo thiết kế.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, các phòng khoa		
2	Quy chế chi tiêu nội bộ		
3	Hợp đồng thi công xây dựng, sửa chữa các hạng mục của trường		

Để hệ thống hạ tầng kỹ thuật được quản lý, vận hành đúng quy trình, đảm bảo hoạt động đúng chức năng, đúng công suất thiết kế cũng như việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ được duy trì thường xuyên, nhà trường đã có văn bản giao trách nhiệm này cho Tổ Kỹ thuật viên. Đồng thời cũng phân cấp về tài chính đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên cho các Phòng, Khoa. Đối với việc bảo dưỡng định kỳ hoặc sửa chữa với kinh phí cao hơn phải thông qua Lãnh đạo, lập dự toán kinh phí.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 2 : Đạt

II. Đánh giá tiêu chuẩn sau khi mô tả 2 nội hàm

a. Điểm mạnh

-Có phân cấp về mặt tài chính đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên nên hệ thống hạ tầng kỹ thuật được vận hành đúng yêu cầu kỹ thuật.

b. Điểm yếu

-Một số khối công trình chưa được bảo dưỡng đúng tiến độ.

c. Kế hoạch hành động (vấn đề cần cải tiến và biện pháp khắc phục điểm yếu)

-Tăng cường công tác giám sát, đánh giá việc bảo quản trang thiết bị và vệ sinh công nghiệp trong các Phòng, xưởng thực hành để học sinh có đủ thiết bị và mọi điều kiện thuận lợi khi tham gia học tập, thực tập tay nghề tại trường.

III. Kết quả đánh giá

Tên nội hàm	Trường tự đánh giá	
	Đạt	Không đạt
Nội hàm 1	x	
Nội hàm 2	x	

Điểm đánh giá tiêu chuẩn: 2 điểm

Tiêu chuẩn: 12

III. Đánh giá các nội hàm

Nội hàm 1: Định mức tiêu hao vật tư và quy định về quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Định mức kinh tế kỹ thuật		

Trường tổ chức xây dựng và ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật cơ sở theo thẩm quyền quy định. Các định mức được xây dựng theo tiêu chí số lượng sinh viên của khoa.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 1: Đạt

Nội hàm 2 : Có hệ thống quản lý việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hoá, vật liệu.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Quy định về quản lý, cấp phát sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo.		
2	Quy định về quy trình nhập, xuất vật tư		
3	Phiếu cấp phát vật tư của các lớp		
	Biên bản đánh giá quá trình sử dụng vật tư, thiết bị		

Việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị, vật tư được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch thể hiện qua hệ thống sổ sách theo dõi. Vật tư khi mua về sẽ làm thủ tục nhập kho và viết vào phiếu nhập kho có đầy đủ các bên tham gia (người lập phiếu, người giao hàng, thủ kho, khoa, tổ bộ môn) ký xác nhận. Khi các bộ phận có nhu cầu sử dụng thiết bị lập phiếu yêu cầu được phê duyệt sẽ làm thủ tục xuất kho. Khi cấp phát vật tư cho học sinh thực tập thì có đại diện của học sinh ký xác nhận.

Vào cuối mỗi năm học các khoa thực hiện kiểm kê trang thiết bị trong kho và đánh giá quá trình sử dụng vật tư, thiết bị và kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị của năm sau.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 2 : Đạt

Nội hàm 3 : Bảo đảm các yêu cầu về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và sự phàm (về hình khối, màu sắc, vật liệu); an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Bản vẽ sơ đồ lắp đặt thiết bị các xưởng		
2	Đánh giá của chuyên gia, của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh nhà trường về việc bố trí trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành		
3	Nội qui các xưởng		

Các xưởng thực hành được thiết kế và bố trí hợp lý mang tính thẩm mỹ nghề nghiệp và sự phàm. Các thiết bị, máy phục vụ thực tập của học sinh, được bố trí lắp đặt đạt yêu cầu về thẩm mỹ, an toàn, duy trì vệ sinh công nghiệp, môi trường... Thiết bị máy trước và sau khi lắp đặt có đánh giá của chuyên gia, cán bộ giáo viên, học sinh về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và sự phàm.

Tổng thể mặt bằng khu thực hành được trang bị hệ thống chiếu sáng, bố trí các mảng cây xanh đảm bảo tính thẩm mỹ trong môi trường sự phàm. Việc vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành trang thiết bị, dụng cụ thực hành được tiến hành sau mỗi buổi học.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 3 : Đạt

II. Đánh giá tiêu chuẩn sau khi mô tả 3 nội hàm

a. Điểm mạnh

-Việc cấp phát vật tư, nguyên liệu, dụng cụ được thực hiện đúng qui trình, thủ tục.

-Các xưởng thực hành được thiết kế và bố trí hợp lý mang nghề nghiệp và sự phạm

b. Điểm yếu

- Việc quản lý, vận hành, vệ sinh và bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trang thiết bị phục vụ đào tạo được phân cấp cho từng bộ phận, tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn chưa được đồng bộ giữa các đơn vị.

c. Kế hoạch hành động (vấn đề cần cải tiến và biện pháp khắc phục điểm yếu)

Nhà trường sẽ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, vận hành, vệ sinh và bảo dưỡng các trang thiết bị tại từng đơn vị qua việc tổ chức Ban thanh tra, giám sát việc quản lý, vận hành, vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị tại từng đơn vị để có biện pháp khắc phục.

kiện thuận lợi khi tham gia học tập, thực tập tay nghề tại trường.

III. Kết quả đánh giá

Tên nội hàm	Trường tự đánh giá	
	Đạt	Không đạt
Nội hàm 1	x	
Nội hàm 2	x	
Nội hàm 3	x	

Điểm đánh giá tiêu chuẩn: 2 điểm

Tiêu chuẩn: 13

IV. Đánh giá các nội hàm

Nội hàm 1: Phòng đọc, phòng lưu trữ đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Hồ sơ thiết kế xây dựng thư viện		

Thư viện nằm trong dãy nhà Hội trường A với diện tích sử dụng là , gồm phòng. Thư viện là nơi giáo viên, cán bộ công nhân viên và học sinh, sinh viên đến để đọc sách, tham khảo tài liệu, giáo trình chuyên ngành và cập nhật thông tin hàng ngày với các loại báo ngày, tuần, tháng mà trường đặt riêng cho thư viện. Trong thư viện còn đặt máy tính để bàn & 1 máy chủ kết nối Internet, hệ thống wireless giúp người đọc có thể tìm kiếm, cập nhật thông tin cần thiết một cách dễ dàng. Bàn đọc tài liệu , bàn

đọc máy tính truy cập internet được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn và phù hợp với không gian để nghiên cứu tài liệu

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 1: Đạt

Nội hàm 2 : Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi giáo trình đảm bảo tối thiểu 5 bản in

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Danh mục sách chuyên môn, giáo trình và tài liệu tham khảo trong những năm gần đây		
2	Danh mục giáo trình nội bộ		

Thư viện tại có đầu sách với cuốn. Hàng năm thư viện đều bổ sung thêm những giáo trình, tài liệu chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên và học sinh, sinh viên, nếu những giáo trình thuộc chuyên ngành mà thư viện chưa trang bị được, sẽ tìm trên các website sau đó sẽ cung cấp cho người đọc địa chỉ chính xác để mọi người có thể truy cập và tham khảo trực tiếp.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 2 : Đạt

II. Đánh giá tiêu chuẩn sau khi mô tả 2 nội hàm

a. Điểm mạnh

- Hàng năm nhà trường đều đặt mua các loại giáo trình, tài liệu, tạp chí, sách báo phục vụ cho công tác dạy và học

b. Điểm yếu

Số lượng sách tại thư viện còn hạn chế, diện tích còn nhỏ so với yêu cầu

c. Kế hoạch hành động (vấn đề cần cải tiến và biện pháp khắc phục điểm yếu)

- Bổ sung đầu sách nhằm đáp ứng chuẩn 10-15 đầu sách/người học vào năm học 2017-2018

- Khuyến khích cho mượn sách về phòng, khoa hay về nhà và có kế hoạch mở rộng diện tích thư viện trong năm 2018.

III. Kết quả đánh giá

Tên nội hàm	Trường tự đánh giá	
	Đạt	Không đạt
Nội hàm 1	x	
Nội hàm 2	x	

Điểm đánh giá tiêu chuẩn: 2 điểm

Tiêu chuẩn: 14

V. Đánh giá các nội hàm

Nội hàm 1: Có tổ chức giới thiệu thường xuyên, định kỳ tài liệu và sách báo mới cho bạn đọc của thư viện.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Thông báo danh mục tài liệu mới cho các phòng khoa		
2	Kế hoạch giới thiệu sách		
3	Báo cáo hoạt động thư viện hàng năm		

Để thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên và HSSV Nhà trường dễ dàng theo dõi, nắm bắt thông tin về tài liệu, sách báo mới, thư viện đều có thông báo danh mục sách mới bổ sung, các tài liệu tham khảo bằng văn bản gửi đến các đơn vị, các lớp HS-SV, dán thông báo tài liệu ở bản tin của trường, đồng thời gửi danh mục tài liệu mới lên website của nhà trường. Đối với giáo viên và cán bộ của trường, thư viện thường xuyên và định kỳ giới thiệu tài liệu và sách báo mới bằng hình thức thông qua hộp thư e-mail của mỗi cá nhân

Thư viện cũng thường xuyên duy trì hoạt động giới thiệu sách cho bạn đọc. Hoạt động này rất phù hợp nhằm thông tin cho bạn đọc những tài liệu hay, tài liệu có giá trị nhằm thu hút bạn đọc đến thư viện

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 1: Đạt

Nội hàm 2 : Có biện pháp tư vấn, hỗ trợ bạn đọc của thư viện (tra cứu, nhân bản, trao đổi, tóm tắt tài liệu).

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Kế hoạch tổ chức hướng dẫn sử dụng thư viện		
2	Danh mục địa chỉ website phục vụ tìm kiếm tài liệu điện tử		

Hàng năm thư viện nhà trường đều tổ chức các buổi tập huấn sử dụng thư viện cho toàn thể giáo viên và học sinh, sinh viên về cách sử dụng thư viện, về nội quy, quy định chung khi sử dụng thư viện, hướng dẫn cách tìm tài liệu, thủ tục làm thẻ thư viện ... Bên cạnh đó tại thư viện đều có dán nội quy thư viện, quy định thư viện, trên đầu

mỗi máy tính đều dán bảng hướng dẫn cách tra cứu tài liệu. Trong kho sách có bảng hướng dẫn cách tìm tài liệu nhằm giúp bạn đọc tìm tài liệu một cách nhanh nhất.

Ngoài ra nhà trường còn trang bị cho thư viện 01 máy photocopy để nhân bản tài liệu theo yêu cầu của bạn đọc, giới thiệu, tư vấn cho bạn đọc đến địa điểm bán cuốn sách mà bạn đọc cần mua. Khi đến thư viện bạn đọc sẽ được cán bộ thư viện hỗ trợ trong việc lựa chọn tài liệu phù hợp với trình độ chuyên môn đào tạo cũng như nhu cầu thực tế của các môn học trong trường.

Việc dán các địa chỉ những trang web có chứa các tài liệu hữu ích phục vụ học tập, giảng dạy, nghiên cứu cũng là một chỉ dẫn, gợi ý cho bạn đọc khi truy cập mạng internet

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 2 : Đạt

Nội hàm 3 : Có tổ chức và duy trì hiệu quả hoạt động mạng lưới cộng tác viên thư viện.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Quyết định thành lập cộng tác viên Thư viện		
2	Qui chế cộng tác viên thư viện		
3	Danh sách cộng tác viên thư viện		
4	Phiếu yêu cầu tài liệu		
5	Báo cáo hoạt động hàng năm		

Để nâng cao hiệu quả hoạt động và thu hút đông đảo cán bộ, giáo viên, công nhân viên đặc biệt là HS-SV đến thư viện ngày càng nhiều và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của bạn đọc, thư viện mở cửa từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần và tổ chức duy trì hoạt động của thư viện để bạn đọc đến tra cứu và tham khảo tài liệu.

Mạng lưới cộng tác viên thư viện hoạt động khá hiệu quả theo một quy chế hoạt động nhất định, hàng tháng có hội ý, trao đổi về nhu cầu đọc giả, bàn bạc các giải pháp hỗ trợ thư viện nâng cao hiệu quả hoạt động, quảng bá tuyên truyền các giáo trình, tài liệu mới phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

Mạng lưới cộng tác viên giúp thư viện nắm bắt kịp thời nhu cầu bạn đọc, hiệu quả hoạt động của thư viện để có hướng cải tiến, đổi mới phương thức hoạt động.

Trong mỗi đợt bổ sung tài liệu thư viện đều căn cứ vào yêu cầu của các Khoa và yêu cầu của đội ngũ công tác viên trong việc tìm hiểu các tài liệu phù hợp, tài liệu hay với ngành nghề đào tạo để bổ sung vào nguồn tài liệu của thư viện.

Đội ngũ cộng tác viên đã thực sự khẳng định được vai trò và hiệu quả hoạt động của mình thông qua phát triển vốn tài liệu cho thư viện, tham gia vào các hoạt động giới thiệu sách cho bạn đọc và cùng cán bộ thư viện hỗ trợ bạn đọc tìm tài liệu phù hợp.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 3 : Đạt

II. Đánh giá tiêu chuẩn sau khi mô tả 3 nội hàm

a. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý, HS-SV khai thác có hiệu quả giáo trình, tài liệu của thư viện; tư vấn, hỗ trợ bạn đọc những thông tin cần thiết để khai thác và nâng cao hiệu quả của các tài liệu

Thường xuyên giới thiệu các loại sách, giáo trình mới, tài liệu mới và tham khảo ý kiến người đọc; duy trì hoạt động mạng lưới công tác viên

b. Điểm yếu

Cơ chế hoạt động của thư viện chưa được chuyên nghiệp hoá cao; công tác tư vấn, hỗ trợ bạn đọc còn có những điểm hạn chế nhất định

c. Kế hoạch hành động (vấn đề cần cải tiến và biện pháp khắc phục điểm yếu)

Để thư viện thực sự trở thành giảng đường thứ hai của học sinh, sinh viên thì trong năm học mới 2017-2018 bên cạnh việc đầu tư trang thiết bị, tăng cường vốn tài liệu, thư viện nhà trường cần tích cực thực hiện nhiều biện pháp nhằm lôi cuốn học sinh, sinh viên đến sử dụng thư viện như:

- Thư viện tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, giới thiệu tài liệu hơn nữa nhằm khuyến khích nhiều người đến thư viện khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu của thư viện

- Giáo viên gợi ý học sinh, sinh viên giải quyết bài tập, các vấn đề của môn học bằng cách tham khảo thông tin trong những tài liệu nào có trong thư viện

- Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động mạng lưới cộng tác viên thư viện

III. Kết quả đánh giá

Tên nội hàm	Trường tự đánh giá	
	Đạt	Không đạt
Nội hàm 1	x	
Nội hàm 2	x	
Nội hàm 3	x	

Điểm đánh giá tiêu chuẩn: 2 điểm

Tiêu chuẩn: 15

VI. Đánh giá các nội hàm

Nội hàm 1: Có hệ thống máy tính, thiết bị phục vụ tin học hóa công tác quản lý của thư viện: cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Các hợp đồng kinh tế về mua sắm thiết bị		
2	Biểu kiểm kê tài sản		
3	Biên bản xác nhận cài đặt phần mềm		
4	Biên bản xác nhận đào tạo		

Hiện nay trang thiết bị tại thư viện gồm máy tính và 1 máy chủ có nối mạng Internet , có bàn đọc, tủ đựng sách và các trang thiết bị thư viện khác. Phần mềm quản lý được đưa vào sử dụng với các phân hệ khác nhau trong đó có phân hệ tra cứu trực tuyến, tra cứu cơ sở dữ liệu điện tử dưới dạng thư mục và cơ sở dữ liệu điện tử dưới dạng toàn văn rất thuận tiện, nhanh chóng và chính xác. Cán bộ thư viện nhà trường được đào tạo sử dụng phần mềm một cách hiệu quả.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 1: Đạt

Nội hàm 2 : Có cổng nối mạng Internet; bảo đảm các hệ thống thiết bị hoạt động bình thường, thường xuyên theo chức năng và các quy định tổ chức, hoạt động của thư viện.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Hợp đồng sử dụng dịch vụ internet		
2	Hồ sơ mua sắm thiết bị wireless		

Nhà trường đã kết nối hệ thống mạng internet có dây và không dây. Hệ thống này hoạt động ổn định và hiệu quả nhằm giúp cho việc tra cứu thông tin được dễ dàng thuận tiện.

Ngoài ra nhà trường còn thiết kế một website riêng, website này là nơi thông báo mọi hoạt động của nhà trường trong website còn dành riêng một khu vực cho thư viện để thư viện thực hiện nghiệp vụ của mình: thông báo nội quy, thông báo tài liệu mới...

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 2 : Đạt

Nội hàm 3 : Có các thỏa thuận, hợp đồng ký kết trao đổi thông tin, tư liệu với các trường và đơn vị khác.

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Danh mục báo giá sách của các nhà sách		
2	Hợp đồng sử dụng phần mềm thư viện pháp luật trực tuyến		
3	Hợp đồng trao đổi thông tin với các trường		

Trường thường xuyên được công ty phát hành sách cung cấp danh sách các loại sách, tài liệu mới xuất bản phục vụ cho công tác đào tạo. Do thư viện trường chưa đủ đầu sách và tài liệu cho SVHS và cán bộ giáo viên nghiên cứu nên trường có hợp đồng với các trường và các đơn vị khác nhằm trao đổi thông tin về giáo trình và tài liệu tham khảo nhằm phục vụ cho công tác đào tạo của trường.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 3 : Đạt

II. Đánh giá tiêu chuẩn sau khi mô tả 3 nội hàm

a. Điểm mạnh

Thư viện đã được tin học hóa với hệ thống máy tính nối mạng, phần mềm được đưa vào sử dụng. Có các hệ thống mạng internet đáp ứng phần lớn nhu cầu tra cứu tài liệu tài liệu của học sinh, sinh viên cũng như cán bộ giáo viên nhà trường.

Thư viện trường đã hợp tác liên kết với các trường và đơn vị khác, tạo lợi thế cho các bên tham gia liên kết và có thêm nguồn tài liệu phong phú phục vụ cho cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên.

b. Điểm yếu

Số lượng máy tính chưa nhiều, chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng. Còn thiếu trang thiết bị phục vụ cho việc số hóa tài liệu như máy Scan. Hệ thống máy chủ còn yếu.

c. Kế hoạch hành động (vấn đề cần cải tiến và biện pháp khắc phục điểm yếu)

- Bổ sung thêm các trang thiết bị cho thư viện trong năm học 2017 - 2018
- Mở rộng phần mềm quản lý, nâng cấp hệ thống máy chủ. Phát triển thêm các dịch vụ có giá trị gia tăng trong thư viện như Scan tài liệu...

III. Kết quả đánh giá

Tên nội hàm	Trường tự đánh giá	
	Đạt	Không đạt
Nội hàm 1	x	
Nội hàm 2	x	
Nội hàm 3	x	

Điểm đánh giá tiêu chuẩn: 2 điểm

3. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.

- **Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của khoa kinh tế được ứng dụng thực tiễn.**

a. Mô tả:

- Tuy Khoa kinh tế Trường Cao Đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM mới thành lập [MC], nhưng Khoa đã nhanh chóng đi vào kiện toàn tổ chức hoạt động, hàng năm giáo viên của Khoa đều có đăng ký nghiên cứu khoa học cấp Trường [MC] và đăng ký các sáng kiến kinh nghiệm [MC] các sáng kiến kinh nghiệm của Khoa đều được ứng dụng vào thực tiễn.

b. Đánh giá:

- **Điểm mạnh:**

- Hiện tại đội ngũ giáo viên Khoa kinh tế có trình độ sau đại học là 100% [MC], nên khả năng nghiên cứu khoa học và phát huy sáng kiến kinh nghiệm trong công tác và giảng dạy luôn được Khoa thường xuyên quan tâm và thực hiện định kỳ hàng năm [MC].

- **Điểm yếu:**

- Chưa có nhiều kinh phí để khuyến khích giảng viên đầu tư nghiên cứu vào những công trình, lĩnh vực mang tính đột phá để phục vụ sản xuất kinh doanh [MC].

- **Đơn vị tự đánh giá:** Đạt

c. Kế hoạch hành động:

- Với trình độ và khả năng của giáo viên Khoa kinh tế, thì hàng năm Khoa sẽ tổ chức ít nhất một lần hội thảo khoa học cấp Khoa và tham gia hội thảo khoa học cấp Trường để không ngừng tạo ra những công trình phục vụ trong sản xuất và kinh doanh.

4. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.

- **Tiêu chuẩn 5:** Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế, các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa.

a. Mô tả:

- Do Khoa kinh tế Trường Cao Đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM mới thành lập [MC], nên Khoa chỉ tập trung vào công tác chuyên môn nên các hoạt động liên kết đào tạo của Khoa với các đối tác nước ngoài chưa có, số lượng giáo viên còn ít, quy mô đào tạo của Khoa còn hạn chế [MC].

b. Đánh giá:

- Điểm mạnh:

- Đội ngũ giáo viên của Khoa trẻ, năng động, sáng tạo, có trình độ cao [MC] nên cơ hội hợp tác đào tạo với các tổ chức nước ngoài sẽ được thực hiện trong thời gian tới.

- Điểm yếu:

- Hiện tại Khoa tập trung vào công tác chuyên môn, do Khoa mới thành lập [MC], nên Khoa đang trong giai đoạn hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, chương trình đào tạo, nên kế hoạch liên kết đào tạo với các tổ chức nước ngoài của Khoa còn hạn chế.

- **Đơn vị tự đánh giá:** Không đạt

c. Kế hoạch hành động:

- Trong thời gian tới Khoa sẽ chủ động lên kế hoạch và định hướng về công tác liên kết đào tạo với các tổ chức nước ngoài để nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo của Khoa.

Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Tiêu chuẩn: 6

VII. Đánh giá các nội hàm

Nội hàm 1: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Giấy chứng nhận của cán bộ y tế		
2	Hợp đồng khám sức khỏe cho học sinh – sinh viên		

3	Hồ sơ thiết kế, xây dựng phòng y tế		
4	Sổ cấp phát thuốc		

Phòng y tế của nhà trường có giường bệnh, tủ thuốc, có nhân viên y tế được đào tạo qua trường lớp chính quy. Hàng năm vào đầu năm học nhà trường có mời các y – Bác sỹ về khám sức khỏe cho toàn bộ học sinh sinh viên. Tại phòng y tế nhà trường có sổ theo dõi quản lý, cấp phát thuốc đối với những bệnh thông thường. Ngoài ra phòng y tế còn tổ chức tuyên truyền giáo dục phòng ngừa bệnh học đường, thực hiện sơ cấp cứu kịp thời ngay tại trường cũng như khi ở ký túc xá trước khi chuyển lên tuyến trên.

Do vị trí của trường ở gần các bệnh viện, phòng khám khu vực nên phòng y tế của trường chỉ làm nhiệm vụ sơ cứu rồi chuyển lên tuyến trên.

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 1: Đạt

Nội hàm 2 : Có nhà ăn hoặc dịch vụ ăn uống phục vụ tốt cho người học

Minh chứng			
STT	Mã minh chứng	Có	Không có
1	Hợp đồng kinh tế liên quan đến xây dựng và sửa chữa căng tin của trường		
2	Hình ảnh thực tế của nhà ăn		
2	Hợp đồng đầu thầu nhà ăn		
	Giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, quy định nhà ăn		
	Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm		
	Giấy chứng nhận sức khỏe của nhân viên nhà ăn		

Trường có nhà ăn nằm trong khuôn viên nhà trường, với tổng diện tích sàn xây dựngm². Vừa phục vụ giáo viên, cán bộ, viên chức, vừa phục vụ cho học sinh, sinh viên, đáp ứng nhu cầu tối đa lên đến người. Nhà ăn chủ yếu hoạt động phục vụ thức ăn nước uống bình dân, theo nhu cầu của cán bộ, giáo viên và học sinh, sinh viên. hàng ngày có lên thực đơn, niêm yết giá công khai, bán đúng giá niêm yết, giá bán phù hợp khả năng thanh toán của đại bộ phận học sinh, sinh viên

Nhà ăn có hệ thống nước sạch, đảm bảo trong việc chế biến thức ăn, nước uống, có hệ thống nước thải thông thoáng hợp vệ sinh, các trang thiết bị và dụng cụ chế biến và phục vụ ăn uống luôn được đảm bảo sạch sẽ, khô ráo. Thường xuyên tổng vệ sinh, giữ gìn vệ sinh trong và ngoài khu vực nhà ăn. Nơi chế biến thức ăn, nước uống sạch sẽ, thoáng mát, sử dụng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm,

đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng. Người trực tiếp chế biến và phục vụ được tham gia lớp tập huấn kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm, định kỳ đi khám sức khỏe theo quy định của ngành y tế. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của ngành y tế, quản lý môi trường về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, cho đến nay chưa xảy ra bất cứ một vụ ngộ độc thực phẩm nào

Đánh giá mức độ đạt được của nội hàm 2 : Đạt

II. Đánh giá tiêu chuẩn sau khi mô tả 2 nội hàm

a. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo được nơi ăn, ở và quan tâm đến sức khỏe học sinh, sinh viên, giúp các em học sinh, sinh viên yên tâm học tập.

b. Điểm yếu

Ký túc xá chưa có hệ thống máy vi tính được kết nối internet để học sinh, sinh viên sử dụng. Nhà ăn chưa phục vụ được các món ăn tự chọn.

c. Kế hoạch hành động (vấn đề cần cải tiến và biện pháp khắc phục điểm yếu)

- Trang bị hệ thống máy tính để bàn được kết nối internet cho ký túc xá trong năm học 2017 - 2018.

- Bên cạnh việc phục vụ bữa ăn bình dân, còn phục vụ thêm các món ăn ngon cho nhu cầu đa dạng của các đối tượng khác nhau.

III. Kết quả đánh giá

Tên nội hàm	Trường tự đánh giá	
	Đạt	Không đạt
Nội hàm 1	x	
Nội hàm 2	x	

Điểm đánh giá tiêu chuẩn: 2 điểm

Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

- **Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.**

a. Mô tả:

✓ Trong nhiều năm qua Nhà trường đã tổ chức tư vấn, tuyên truyền cho học sinh phổ thông thông qua các buổi tư vấn trực tiếp, trên website của trường những thông tin

về nhà trường, về ngành chuyên ngành đào tạo, chương trình đào tạo việc làm sau khi ra trường. Đồng thời, hàng năm, nhà trường đều tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân cho toàn bộ HSSV hệ cao đẳng chính quy và trung cấp. Trong tuần lễ này, HSSV được nhà trường giới thiệu quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản quy định của trường, các văn bản cụ thể hóa của trường, triển khai thực hiện những quy chế, quy định có hiệu quả. Người học được giới thiệu về Nhà trường, mục tiêu đào tạo, ngành, chuyên ngành của trường, giới thiệu đề cương chi tiết các học phần, quy định về quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học tập của HSSV. Trường đã cung cấp cho HSSV đầy đủ các quy chế, quy định, các quyền lợi và nghĩa vụ của người học trong suốt quá trình học tập tại trường với nhiều hình thức khác nhau.

✓ Ngoài ra, Nhà trường còn có hệ thống bảng thông báo cho HSSV, mỗi em có một cuốn “ Sổ tay sinh viên”. Sinh viên còn nhận được nhiều thông tin từ website của trường, facebook ...

✓ HSSV được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về mục tiêu, chương trình, chế độ chính sách, các yêu cầu về học tập, kiểm tra đánh giá, giúp cho người học nắm và hiểu rõ quyền và trách nhiệm của mình nên số HSSV vi phạm về học tập trong năm qua không đáng kể.

✓ Song song với việc nâng cao chất lượng đào tạo và không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, nhà trường rất quan tâm đến công tác định hướng nghề nghiệp thông qua tổ chức các buổi Hội thảo, liên hệ với các doanh nghiệp tìm kiếm việc làm cho HSSV thông qua nhu cầu tuyển dụng đăng ký từ các đơn vị, doanh nghiệp. Tham gia Hội chợ việc làm để sinh viên tiếp xúc với các doanh nghiệp, làm quen với các kỹ năng ứng xử, giao tiếp, chinh phục nhà tuyển dụng...

✓ Đồng thời, Nhà trường cũng cố gắng xây dựng cơ sở vật chất nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu học tập, nghiên cứu:

– Thư viện có tài liệu, sách, báo, tạp chí để tham khảo và học tập đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và yêu cầu học tập của người học.

– Có đủ các phòng học và diện tích lớp học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

– Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

- Có phòng máy tính được nối mạng đáp ứng nhu cầu học tập của người học; có biện pháp hỗ trợ người học tiếp cận với công nghệ thông tin.
- Có ký túc xá, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú và có các dịch vụ phục vụ người học theo quy định.
- Có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, đảm bảo diện tích khu thể dục thể thao theo quy định.
- Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của trường.
- Có biện pháp bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn, an ninh cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

b. Đánh giá:

- Điểm mạnh :

- Trong những năm qua, Nhà trường cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản của Nhà nước, của Bộ và những quy chế, quy định, thông báo của trường đến từng người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, giúp người học hiểu rõ mục tiêu, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về kiểm tra đánh giá người học.

– Nhà trường thực hiện và vận dụng những chế độ, chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước, của Ngành. Đặc biệt có một số chế độ mang tính đặc thù của trường như: hỗ trợ tiền tàu xe cho sinh viên nghèo về quê ăn tết; trợ cấp cho sinh viên đang theo học gặp tai nạn rủi ro. Chăm sóc sức khỏe, đầu tư kinh phí cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong HSSV.

- Điểm yếu:

– Việc sử dụng công nghệ thông tin phục vụ người học còn ở mức độ hạn chế, còn có những thông tin chưa được cập nhật kịp thời, thông tin chưa phong phú.

– Chưa có kế hoạch cụ thể và chưa có bộ phận chuyên trách làm công tác tư vấn giới thiệu việc làm cho HSSV.

– Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, giáo dục truyền thống vẫn chưa được triển khai thường xuyên. Vẫn còn có HSSV vi phạm quy chế.

– Hoạt động khảo sát, điều tra HSSV tốt nghiệp ra trường mới thực hiện bước đầu, chưa thực hiện tốt việc gắn kết giữa công tác đào tạo trong nhà trường với thực tiễn nên việc đánh giá chưa sâu, tính thuyết phục chưa cao. Đây là hoạt động còn mới mẻ đối với Nhà trường, chưa có nhiều biện pháp thiết thực trong việc đánh giá HSSV sau khi tốt nghiệp và nhu cầu của xã hội.

- Thư viện còn thiếu nhiều tài liệu, sách, báo, tạp chí để tham khảo và học tập đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và yêu cầu học tập của người học.
- Diện tích một số lớp học còn chưa phù hợp với số lượng sinh viên mỗi lớp.
- Trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy còn thiếu: máy chiếu, micro....
- Phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định còn chưa đáp ứng được nhu cầu của giảng viên
- Hệ thống mạng còn chập chờn.

- Đơn vị tự đánh giá: đạt

c. Kế hoạch hành động:

- Cải tiến kênh thông tin trên trang Website dễ đọc, dễ nhận biết và cung cấp đầy đủ thông tin cho HSSV, nhận phản hồi thông tin từ người học.
- Thường xuyên phổ biến những chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Ngành, của trường cho HSSV và cung cấp cho mỗi lớp một bộ văn bản pháp quy, các quy chế thông tư của Bộ, các văn bản hướng dẫn của Nhà trường.
- Trên cơ sở Nhà trường xây dựng mới sẽ xây dựng cơ sở vật chất phục vụ Thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ của HSSV. Trong lúc chờ đợi xây trường mới, các đơn vị chức năng đã tìm cơ sở vật chất sẵn có của các đơn vị gần trường ký hợp đồng để phục vụ cho công tác văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.
- Hàng năm nhà trường tiếp tục bổ sung, cải tiến nội dung, hình thức và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV.
- Tiếp tục phát huy và duy trì, cải tiến các hoạt động của các lớp, hoạt động của các tổ chức hướng đến mục tiêu vì người học.
- Đầu mỗi phối hợp có hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể với các đơn vị chức năng trong trường, ngoài trường; tạo điều kiện cho người có môi trường học tập, sinh hoạt và rèn luyện tốt nhất.

2. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

- Tiêu chuẩn 2 Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định: cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

a. Mô tả:

– Mỗi năm, Nhà trường đều xét duyệt các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, miễn giảm học phí, xét trợ cấp đột xuất; căn cứ kết quả xếp loại HSSV về học tập, rèn luyện xét duyệt cấp học bổng khuyến khích học tập, khuyến khích tài năng. Danh sách HSSV hưởng chế độ chính sách được công khai trên các bảng thông báo, trên Website của trường và các phòng chức năng.

– Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục-thể thao được nhà trường tổ chức thường xuyên như : Hội thi tiếng hát HSSV, Hội diễn Văn nghệ, các giải thi đấu thể thao giao lưu giữa các lớp trong trường, giao lưu với các trường bạn, tham gia Hội thi thể thao HSSV, Hội thi sinh viên tài năng duyên dáng, ...

– Bên cạnh đó, việc hỗ trợ, tư vấn cho người học được đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và thị trường lao động là mục tiêu trọng tâm được nhà trường đặt ra. Nhà trường rất quan tâm và chỉ đạo việc điều tra HSSV tốt nghiệp ra trường số đi làm ngay sau khi tốt nghiệp, số học lên, số chưa có việc làm. Mục đích điều tra sinh viên tốt nghiệp nhằm thu thập thông tin về tình trạng người học ra trường tham gia vào thị trường lao động, thông qua đó nhà trường có cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo, nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp dạy và học trên cơ sở đó đề ra các giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội.

– Nhà trường đã khảo sát sinh viên cuối khóa sau khi tốt nghiệp ra trường, nhu cầu sau khi tốt nghiệp, nhu cầu cần bồi dưỡng, nhu cầu bồi dưỡng về ngoại ngữ Song song với việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp ra trường và sắp ra trường làm của HSSV, nhà trường còn tiếp xúc với các doanh nghiệp xin ý kiến các doanh nghiệp về chất lượng đào tạo, kiến thức, kỹ năng của sinh viên... Qua đó nhận biết được nhu cầu đào tạo của nhà trường đáp ứng nhu cầu xã hội ở mức độ nào.

b. Đánh giá:

- Điểm mạnh:

– Nhà trường đã thực hiện và vận dụng những chế độ, chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước, của Ngành, kịp thời. Đặc biệt có một số chế độ mang tính đặc thù của trường như: hỗ trợ tiền tàu xe cho sinh viên nghèo về quê ăn tết; trợ cấp cho sinh viên đang theo học gặp tai nạn rủi ro. Chăm sóc sức khỏe, đầu tư kinh phí cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong HSSV.

– HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường hầu hết được học liên thông lên Đại học Thương Mại, Học Viện Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc Dân, Đại học Công đoàn.

- Sinh viên của trường được các nhà tuyển dụng đánh giá cao, sinh viên đáp ứng các công việc của doanh nghiệp. Có những em đã làm giám đốc doanh nghiệp.
- Đã có nhiều doanh nghiệp trực tiếp đến trường phỏng vấn và tiếp nhận HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường.

- Điểm yếu:

- Hoạt động khảo sát, điều tra HSSV tốt nghiệp ra trường mới thực hiện bước đầu, chưa thực hiện tốt việc gắn kết giữa công tác đào tạo trong nhà trường với thực tiễn nên việc đánh giá chưa sâu, tính thuyết phục chưa cao.
- Đây là hoạt động còn mới mẻ đối với Nhà trường, chưa có nhiều biện pháp thiết thực trong việc đánh giá HSSV sau khi tốt nghiệp và nhu cầu của xã hội.

- Đơn vị tự đánh giá: đạt

c. Kế hoạch hành động:

- Nhà trường tiếp tục cải tiến phiếu khảo sát cho thiết thực phục vụ mục tiêu của Trường đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Tổ chức Hội thảo và giao lưu với các doanh nghiệp để lấy ý kiến về đánh giá sát, đúng chất lượng đào tạo của nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch dài hạn, quy chế cụ thể nhằm đánh giá HSSV tốt nghiệp ra trường để thực hiện có hiệu quả mục tiêu đào tạo của nhà trường.

3. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

- Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Khoa để hoàn thành nhiệm vụ.

a. Mô tả:

- Trong từng học kỳ, thông qua cố vấn học tập, Khoa luôn chủ động triển khai đến các sinh viên của Khoa về các chính sách học bổng, khen thưởng cũng như các chính sách về miễn giảm học phí cho những sinh viên của Khoa có hoàn cảnh khó khăn [MC]. Để sinh viên biết và định hướng trong quá trình học tập.

b. Đánh giá:

- Điểm mạnh:

- Mỗi lớp đều có giáo viên chủ nhiệm là các giáo viên của Khoa[MC], nên các chính sách về học bổng, khen thưởng cũng như các chính sách về miễn giảm học phí đều được triển khai nhanh và kịp thời đến sinh viên [MC].

- Điểm yếu:

- Do đội ngũ giáo viên của Khoa còn ít [MC], nên chưa có bộ phận chuyên trách của Khoa để phát hiện kịp thời những nhân tố tích cực và những sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để Khoa hỗ trợ nhanh hơn nữa, tích cực hơn nữa trong quá trình học tập.

- Tự đánh giá: Đạt

c. Kế hoạch hành động:

- Trong những năm học tới, khi số lượng giáo viên đủ lớn, quy mô đào tạo của Khoa tăng, Khoa sẽ cử cán bộ chuyên trách để tìm hiểu thêm tâm tư, nguyện vọng của sinh viên, để từ đó sẽ đề xuất thêm các chính sách nhằm phục vụ các em trong quá trình học tập được tốt hơn.

4. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

- Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

a. Mô tả:

- Các sinh viên Nam và Nữ của Khoa được hưởng các quyền lợi và dịch vụ như nhau, đánh giá thành tích học tập dựa vào năng lực học tập của từng cá nhân [MC], không dựa vào dưới tính, tôn giáo cũng như thành phần xuất thân.

b. Đánh giá:

- Điểm mạnh:

- Khoa tạo mọi điều kiện để các sinh viên phát huy tối đa năng lực của người học, không phân biệt giới tính, tôn giáo, thành phần xuất thân. [MC]

- Điểm yếu:

- Chưa đủ nguồn lực về con người để gần sinh viên hơn nữa để từ đó tham mưu cho nhà Trường những chính sách để phát huy tối đa năng lực của từng sinh viên trong quá trình học tập. [MC].

- Tự đánh giá: Đạt

c. Kế hoạch hành động:

- Tìm hiểu thêm về các sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt để Khoa có sự hỗ trợ nhất định trong quá trình học tập.

5. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

- Tiêu chuẩn 5: Khoa có đảm bảo đủ diện tích phòng học và các tiện nghi khác trong học tập của người học.

a. Mô tả:

- Khoa luôn bố trí phòng học rộng và thoáng với đầy đủ tiện nghi như đèn, quạt, bảng phấn....cho các em học tập. [MC]

b. Đánh giá:

- Điểm mạnh:

- Do nhà trường có khu học lý thuyết khang trang, nên bố trí cho Khoa kinh tế các phòng học đủ chuẩn về diện tích, âm thanh, ánh sáng, ..phòng học rộng và thoáng để tạo điều kiện cho các em sinh viên sinh hoạt và học tập tốt hơn.

- Điểm yếu:

- Do quy mô đào tạo của Khoa còn hạn chế, nên chưa khai thác hết công năng của các phòng học lý thuyết. [MC]

- Tự đánh giá: Đạt.

c. Kế hoạch hành động:

- Trong thời gian tới, khi quy mô đào tạo của Khoa tăng lên Khoa sẽ khai thác hết công năng của các phòng học lý thuyết cũng như đề xuất xây dựng các phòng học mô phỏng để quá trình đào tạo được tốt hơn.

6. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

- Tiêu chuẩn 7: Sinh viên của Khoa kinh tế được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, tham gia các hoạt động xã hội, được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

a. Mô tả:

- Khoa kinh tế luôn tạo điều kiện về thời gian và cơ sở vật chất để sinh viên của Khoa tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao để tham gia các hoạt động phong trào do Đoàn trường phát động [MC], cũng như sinh viên luôn được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Trường.

b. Đánh giá:

- Điểm mạnh:

- Sinh viên của Khoa năng động và Khoa đề cử một giáo viên tham gia vào BCH Đoàn trường nên các hoạt động phong trào của trường được sinh viên Khoa hưởng ứng tích cực. Khoa luôn tạo điều kiện tốt nhất cho các em tham gia các phong trào của trường.

- Điểm yếu:

- Do các em còn bận trong việc học tập, nên chưa thường xuyên tham gia đầy đủ các phong trào của Đoàn trường phát động.

- Tự đánh giá: Đạt

c. Kế hoạch hành động:

- Trong thời gian tới, Khoa sẽ khuyến khích và động viên các em tích cực tham gia đầy đủ các phong trào do Đoàn trường phát động.

- Tiêu chuẩn 8: Thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp

a. Mô tả:

- Khoa kinh tế Trường Cao Đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM mới thành lập [MC], đến thời điểm hiện tại khóa sinh viên nhập học đầu tiên là năm 2015, thời điểm sinh viên tốt nghiệp đầu tiên là năm 2019. Tuy nhiên với việc các giảng viên trong khoa đều tham gia công tác tư vấn hướng nghiệp tuyển sinh [MC] cùng với trường nên ngay khi sinh viên của Khoa đến đăng ký nhập học đã được các giảng viên trong khoa cho chuyên môn và kinh nghiệm về ngành nghề, tư vấn cụ thể chương trình học cũng như công việc cụ thể của từng ngành nghề sau khi ra trường, qua đó hướng dẫn cho sinh viên từ bước đầu khi chọn ngành đã được hiểu biết đầy đủ về tính chất công việc, việc làm liên quan đến ngành học ngay khi ra trường.

b. Đánh giá:

- **Điểm mạnh:** Số lượng giảng viên tại khoa phần lớn đều có kinh nghiệm làm việc thực tế trước khi đi dạy [MC] nên ngay trong các giờ học, các giờ sinh hoạt chủ nhiệm đều có hướng dẫn cho sinh viên về thực tế công việc sau khi ra trường, giúp sinh viên có cái nhìn chân thực và đúng đắn về ngành học của mình.

- **Điểm yếu:** Hiện tại sinh viên của Khoa chưa tốt nghiệp mà việc hướng nghiệp cho sinh viên diễn ra chủ yếu vào năm học cuối của sinh viên. Do đó đến thời điểm hiện tại Khoa chưa thực sự tổ chức được buổi hướng nghiệp bài bản cho sinh viên.

- Đơn vị tự đánh giá: Đạt

c. Kế hoạch hành động: Trong thời gian kế tiếp khi các lớp sinh viên đầu tiên của Khoa đã bước vào năm học cuối và học được hầu hết các môn chuyên ngành để hiểu được thực tế công việc, Khoa sẽ tiến hành các buổi hướng nghiệp mang tính chất định kỳ hàng năm để sinh viên hiểu rõ hơn về công việc của mình, đồng thời xây dựng các phòng học

thực hành chức năng để sinh viên được thực hành đúng chuyên ngành ngay khi còn ngồi trên ghế Nhà trường.

- Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

a. Mô tả:

- Do Khoa kinh tế Trường Cao Đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM mới thành lập [MC], khóa sinh viên đầu tiên của khoa hiện tại còn 2 năm nữa mới tốt nghiệp, nên Khoa chưa có những buổi hội chợ việc làm riêng cho sinh viên trong đơn vị. Tuy nhiên hiện tại hàng năm Nhà trường đều có tổ chức hội chợ việc làm [MC], nên thông qua các buổi này giảng viên chủ nhiệm trong Khoa có thông báo hướng dẫn sinh viên lớp của mình tới dự và tham quan hội chợ, qua đó để sinh viên nắm bắt được thực tế tuyển dụng việc làm của doanh nghiệp, đồng thời trang bị cho mình những kỹ năng và kiến thức cần thiết trước khi ra trường.

b. Đánh giá:

- **Điểm mạnh:** Các ngành nghề hiện đang đào tạo trong Khoa là các chuyên ngành mà đơn vị Doanh nghiệp nào cũng có nhu cầu tuyển dụng. Do đó việc hợp tác với các Doanh nghiệp đã liên kết với Nhà trường từ trước để tạo thêm cơ hội việc làm cho sinh viên khá dễ dàng.

- **Điểm yếu:** Hiện tại Khoa tập trung vào công tác chuyên môn, do Khoa mới thành lập [MC], nên Khoa đang trong giai đoạn hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, chương trình đào tạo, nên kế hoạch liên kết đào tạo với các Doanh nghiệp để cho sinh viên đi thực tế còn hạn chế, đồng thời vì sinh viên trong khoa còn đến 2 năm mới hoàn tất chương trình đào tạo nên đến thời điểm hiện tại Khoa vẫn chưa tổ chức được những buổi tham quan thực tế Doanh nghiệp hay các hội chợ dành riêng cho sinh viên trong Khoa.

- **Đơn vị tự đánh giá:** Không đạt

c. Kế hoạch hành động: Trong thời gian tới Khoa sẽ chủ động lên kế hoạch và định hướng về công tác liên kết với các đơn vị Doanh nghiệp để tìm các đơn vị thực tập cho sinh viên, đồng thời tạo cơ hội tiếp cận việc làm ngay sau khi ra trường cho sinh viên trong Khoa.

Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Những điểm khái quát trên sẽ được minh chứng rõ hơn thông qua việc phân tích, đánh giá và qua những chứng cứ xác thực ở các tiêu chí sau đây:

Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động

Khoa Kinh tế mới thành lập năm 2015, đến nay chỉ mới được 2 năm nên sinh viên Khóa đầu tiên của Khoa vẫn chưa tốt nghiệp, chưa đi làm nên Khoa chưa có cơ hội thu thập ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động

1. Mô tả

Không có

2. Điểm mạnh

3. Tồn tại

4. Kế hoạch hành động

5. Tự đánh giá:

Tiêu chuẩn 2. Hằng năm thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động

1. Mô tả

Thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

2. Điểm mạnh

3. Tồn tại

4. Kế hoạch hành động

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chuẩn 3:

1. Mô tả

Không có

2. Điểm mạnh

3. *Tồn tại*

4. *Kế hoạch hành động*

5. *Tự đánh giá:*

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Vào tháng 09 hàng năm Nhà Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ. Cụ thể

Năm học 2016–2017 Trung tâm TT-TV điều chỉnh giao diện website của trường để thể hiện rõ: mục tiêu của trường, định hướng phát triển dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, kế hoạch, nhiệm vụ năm học của các cấp trong trường; phòng TC–HC–TH phối hợp với phòng QLKH-HTQT viết rõ mục tiêu giáo dục của trường và công bố trên website. Sau tháng 9 năm 2016 Trường tổ chức hội nghị tổng kết và đánh giá kết quả đào tạo tín chỉ của bậc Cao đẳng cho toàn khóa học 2013–2016 làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung mục tiêu của trường.

Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp

Khoa Kinh tế mới thành lập năm 2015, đến nay chỉ mới được 2 năm nên sinh viên Khóa đầu tiên của Khoa vẫn chưa tốt nghiệp, chưa đi làm nên Khoa chưa thể điều tra

3.1. Tổng hợp kết quả tự kiểm định

TT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn, Chỉ số (Ghi đầy đủ nội dung chỉ số)	Chức năng, nhiệm vụ có liên quan tới chỉ số	Đơn vị tự đánh giá hoàn thành chức năng, nhiệm vụ	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	<i>Các tiêu chí</i>		x	

3.2. Tự đánh giá chức năng, nhiệm vụ theo từng chỉ số có liên quan

PHẦN 3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Công tác tự kiểm định chất lượng dựa trên hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định CLDN do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành trong giai đoạn hiện nay thực sự có ý nghĩa thiết thực đối với khoa, đáp ứng mục tiêu dạy của khoa gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội theo đúng chủ trương, đường lối phát triển dạy nghề nghiệp của Nhà nước.

Qua quá trình tự đánh giá chất lượng dạy nghề nghiệp theo quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, khoa Kinh tế tự đánh giá đạt cấp độ 3 (95/100 điểm).

II. KIẾN NGHỊ (nếu có)

TP. HCM, ngày 29 tháng 09 năm 2017

PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ

(ký, đóng dấu)

Nguyễn Trọng Nghĩa

Bảng mã minh chứng

STT	Tiêu chí, Tiêu chuẩn	Nội hàm	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung	Tên minh chứng
1	1.01	1	1.01.1.01		
2		1	1.01.1.02		
3		1	1.01.1.03		
4	1.01	2	1.01.2.01		
5				(Ví dụ 1.01.1.02)	
6			1.01.2.02		
7			1.01.2.03		
8	1.02	1	1.02.1.01		
9			1.02.1.02		
10			1.02.1.03		
11					

(Kéo dài bảng theo mẫu trên lần lượt theo thứ tự tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số và số lượng minh chứng của đơn vị)

Giải thích: Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi ký tự, bao gồm 6 chữ số đi từ trái qua phải được hiểu như sau:

Số thứ nhất: thể hiện số thứ tự của tiêu chí (số này được đánh từ tiêu chí 1 đến tiêu chí 9).

Số thứ hai và thứ ba: thể hiện số thứ tự của tiêu chuẩn (số này được đánh theo thứ tự các tiêu chuẩn có trong tiêu chí từ 1 cho đến hết số tiêu chuẩn trong tiêu chí).

Số thứ tư: thể hiện nội hàm của tiêu chuẩn, trong một tiêu chuẩn có thể có nhiều nội hàm.

Số thứ năm và thứ sáu: thể hiện minh chứng số bao nhiêu của nội hàm (số này được đánh theo thứ tự các minh chứng của nội hàm từ 1 cho đến hết các minh chứng).

Ví dụ: 1.01.1.02 được hiểu là: minh chứng số 02 của nội hàm 1 tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1.

Lưu ý:

+ Tên minh chứng cần nêu rõ trích yếu nội dung; ngày, tháng, năm ban hành; người có thẩm quyền ký ban hành).

- + Các minh chứng có không quá 20 trang/minh chứng được chụp (photocopy) và lưu tại đơn vị, ghi rõ nơi lưu giữ bản gốc.
- + Một số minh chứng là tài liệu mật hoặc có nhiều hơn 20 trang thì chỉ chụp (photocopy) trang đầu, ghi rõ mã minh chứng và nơi lưu giữ bản gốc.
- + Các minh chứng được sắp xếp theo thứ tự trong Hộp/Cặp. Trường hợp một tiêu chí có nhiều Hộp/Cặp thì bên ngoài ghi rõ (VD: Tiêu chí 1 - Cặp 1/3; Tiêu chí 1 – Cặp 2/3; Tiêu chí 1 – Cặp 3/3).
- + Minh chứng được lưu trữ qua các năm, hàng năm đơn vị bổ sung vào hồ sơ minh chứng bản chụp (photocopy) minh chứng phát sinh (nếu có).